



BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI TỈNH NINH BÌNH

QUÝ II/2026

TBT NINH BÌNH

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NINH BÌNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG**

*Thủ tướng Lê Minh Hưng phát biểu tại Lễ chào mừng Ngày Khoa học, Công nghệ
và Đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2026*

Ảnh: Baochinhphu.vn

TBT NINH BÌNH

Địa chỉ: Số 8 - Đường Lê Hồng Phong - Phường Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình

Email: ninhbinhtbt@gmail.com

Website: <https://sokhcn.ninhbinh.gov.vn>; <https://chicuctdc.ninhbinh.gov.vn>

Điện thoại : 02293 871735



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VŨ QUỐC ĐẠT
Chi cục trưởng- Trưởng ban

Ban biên tập

TS. Vũ Quốc Đạt - Trưởng ban
ThS. Trịnh Đình Thề - Phó trưởng ban
ThS. Hà Trang Nhung - Thành viên
Cn. Nguyễn Thị Hoa - Thành viên
TS. Ngô Văn Nhung - Thư ký

TRONG SỐ NÀY

1. Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

- Khi tiêu chuẩn phải đi trước một bước trong thích ứng biến đổi khí hậu.
- Quan ngại thương mại đối với Chỉ thị của EU về yêu cầu tiếp cận đối với sản phẩm và dịch vụ.
- Hộ chiếu số của sản phẩm và yêu cầu minh bạch mới trong thương mại toàn cầu.
- Quan ngại thương mại đối với đề xuất Quy định an toàn đồ chơi của Liên minh châu Âu.
- Danh mục thông báo dự thảo mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các nước thành viên WTO trong Quý II/2026.
- Thông báo về biện pháp TBT của một số nước thành viên WTO, doanh nghiệp cần chú ý.
- Danh mục văn bản của Việt Nam mới ban hành Quý II/2026 doanh nghiệp cần chú ý.

2. Chuyên mục: BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

- Kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2026 (đợt 1).
- Hội nghị “Nâng cao năng lực thực thi quy định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại và xuất xứ hàng hoá nhằm tạo thuận lợi cho thương mại”.
- Nguy cơ mất an toàn khi sử dụng ổ cắm thông minh trong gia đình.
- FDA cảnh báo thực phẩm chức năng giảm cân chứa chất cực độc tràn lan trên Amazon, eBay.
- Cảnh báo người tiêu dùng trước các hành vi gian lận trong kinh doanh khí gas.
- Mỹ phẩm handmade phát triển mạnh: Cần nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn và an toàn chất lượng.
- Nguy cơ hàng hóa kém chất lượng trên sàn thương mại điện tử.
- Nguy cơ mất an toàn từ đồ chơi trẻ em không rõ nguồn gốc.

3. Chuyên mục: DOANH NGHIỆP VÀ TBT

- Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo.
- Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Quy định chi tiết việc ký kết, thực hiện các hiệp định, thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp.
- Quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm Halal.
- “Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học.
- Đo lường trong kỷ nguyên lượng tử: Nền tảng mới của công nghiệp thông minh.
- Truy xuất nguồn gốc: Từ mã QR đến yêu cầu minh bạch bắt buộc trong quản lý thị trường.

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại hay gọi tắt là TBT, viết tắt của cụm từ tiếng anh “Technical Barrier to Trade”.

TBT chính là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hay quy trình đánh giá sự phù hợp có khả năng tạo ra rào cản, gây khó khăn hoặc cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bản tin Hàng rào kỹ thuật trong thương mại luôn cập nhật các tin tức về các tiêu chuẩn, quy chuẩn mới ban hành và dự thảo về các quy định mới của các nước thành viên, là tài liệu hữu ích giúp các tổ chức, doanh nghiệp tránh được các rào cản kỹ thuật tiềm ẩn và hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp, góp phần phát triển vào nền kinh tế bền vững của quốc gia.

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gặp những vướng mắc về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vui lòng liên hệ về Ban biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được giải đáp.

Điện thoại 02293. 871735 hoặc email: ninhbinhtbt@gmail.com.

KHI TIÊU CHUẨN PHẢI ĐI TRƯỚC MỘT BƯỚC TRONG THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Trong nhiều năm, các thảo luận về thương mại và khí hậu chủ yếu tập trung vào giảm phát thải, chuyển dịch năng lượng và các cơ chế định giá carbon. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy một yêu cầu ngày càng cấp thiết: nền kinh tế toàn cầu không chỉ phải giảm tác động đến khí hậu, mà còn phải thích ứng tốt hơn với khí hậu đang thay đổi nhanh hơn, khắc nghiệt hơn và khó lường hơn. Trong bối cảnh đó, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và các biện pháp quản lý liên quan đang nổi lên như những công cụ quan trọng nhằm hỗ trợ thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng hiệu quả và hạn chế tạo ra rào cản không cần thiết đối với thương mại.

Trên thực tế, WTO từ lâu đã khẳng định rằng thương mại và chính sách thương mại cần là một phần của “hộp công cụ” để đạt được các mục tiêu khí hậu chung. Điều này không chỉ đúng với giảm phát thải mà còn đúng với thích ứng. Khi hạn hán, thời tiết cực đoan, xâm nhập mặn, gián đoạn chuỗi cung ứng hay rủi ro an ninh lương thực ngày càng gia tăng, khả năng tiếp cận kịp thời các hàng hóa, dịch vụ và công nghệ phục vụ thích ứng trở thành một phần của năng lực chống chịu của mỗi nền kinh tế.



Từ góc độ chính sách, đây là một chuyển động rất đáng chú ý. Bởi khi thương mại bắt đầu bàn nhiều hơn đến thích ứng, câu chuyện không chỉ là mở rộng trao đổi đối với một số hàng hóa “xanh”, mà còn là làm sao để các hệ thống quản lý đủ đồng bộ để công nghệ và giải pháp thích ứng có thể được lưu chuyển hiệu quả hơn giữa các thị trường. WTO nhấn mạnh vai trò của đổi mới sáng tạo, khuôn khổ pháp lý và sự nhất quán chính sách trong việc hỗ trợ tiến bộ công nghệ và nông nghiệp bền vững. Các công nghệ, hàng hóa và dịch vụ được nêu ra khá đa dạng, từ phân bón cải tiến, công cụ nông nghiệp chính xác như cảm biến, drone và hệ thống tưới thông minh, đến kho lạnh chạy điện mặt trời, giống cây trồng chống chịu khí hậu, phân tích dữ liệu, ICT, dịch vụ tư vấn nông nghiệp, kỹ thuật và R&D.

Trong bối cảnh đó, hệ thống TBT có vai trò đặc biệt quan trọng, tiêu chuẩn không chỉ theo sau để “ghi nhận” các công nghệ đã trưởng thành, mà cần được xây dựng theo hướng chủ động, tạo khung tham chiếu chung cho việc ứng dụng, đánh giá và triển khai các giải pháp thích ứng. Nếu thiếu các tiêu chuẩn minh bạch và hài hoà, các công nghệ phục vụ thích ứng khí hậu có thể gặp trở ngại do khác biệt về quy định, thủ tục và cách hiểu giữa các thị trường. Khi đó, cái giá phải trả không chỉ là chi phí thương mại cao hơn, mà còn là tốc độ thích ứng chậm hơn ở những khu vực đang cần nhất.

Tài liệu Trade and Environmental Sustainability Structured Discussions - TESSD của WTO cho thấy các thành viên WTO đã chỉ ra những cơ hội đến từ tạo thuận lợi thương mại, hài hòa quy tắc thương mại, tăng cường truy xuất chuỗi cung ứng và cải thiện tính nhất quán của quy định. Đây là những nội dung cốt lõi của Hiệp định TBT. Trong một thế giới mà cùng một giải pháp thích ứng có thể phải đi qua nhiều thị trường với nhiều bộ yêu cầu khác nhau, minh bạch quy định và nỗ lực giảm khác biệt không cần thiết giữa các khuôn khổ quản lý sẽ trở thành yếu tố thiết yếu để giảm chi phí và đẩy nhanh phổ biến công nghệ. Đặc biệt, WTO không xem thích ứng khí hậu tách rời khỏi thực tế thương mại. OECD cũng nêu rằng khoảng 80% thương mại hàng hóa môi trường chịu ít nhất một biện pháp TBT, và sự khác biệt trong các biện pháp quản lý có thể làm cản trở chuỗi cung ứng của các công nghệ xanh như điện gió, pin xe điện và điện mặt trời. Dù ví dụ này không chỉ dành riêng cho thích ứng, nó cho thấy rất rõ một thực tế: công nghệ phục vụ khí hậu sẽ không thể phát huy hết giá trị nếu bị mắc kẹt trong mớ trăn quy định chồng chéo.

Ở chiều ngược lại, tiêu chuẩn có thể đóng vai trò của mình như một “hạ tầng mềm” hỗ trợ nâng cao khả năng chống chịu. Trong nông nghiệp, chẳng hạn, các tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có thể giúp định hình yêu cầu đối với hệ thống tưới tiết kiệm nước, kho lạnh phân tán, dịch vụ khí tượng nông nghiệp, công nghệ giống chịu hạn hay các giải pháp số hỗ trợ ra quyết định. Khi những yêu cầu này được xây dựng theo hướng khoa học, minh bạch và có khả năng tham chiếu rộng, chúng không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý trong nước mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp và nông dân tiếp cận giải pháp tốt hơn với chi phí hợp lý hơn. Đây là điểm đặc biệt quan trọng đối với các nước đang phát triển, nơi nhu cầu thích ứng thường lớn nhưng năng lực tài chính và kỹ thuật còn hạn chế.

Chính vì vậy, trong các trao đổi tại TESSD, các thành viên cũng nhấn mạnh lợi ích của hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực. Thích ứng khí hậu không chỉ là câu chuyện của công nghệ sẵn có, mà còn là câu chuyện ai có đủ năng lực để tiếp cận, áp dụng, bảo trì và tích hợp công nghệ ấy vào điều kiện thực tế. Nếu không gắn thương mại với hỗ trợ kỹ thuật, khoảng cách thích ứng giữa các nền kinh tế có thể còn nói rộng hơn.

Đối với Việt Nam, xu hướng này đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động đánh giá sự phù hợp theo hướng linh hoạt, minh bạch và hài hòa với thông lệ quốc tế. Trong các lĩnh vực như nông nghiệp, hạ tầng, bảo quản sau thu hoạch, dữ liệu khí tượng nông nghiệp và công nghệ tưới tiêu, tiêu chuẩn không chỉ là công cụ quản lý kỹ thuật mà còn là yếu tố quan trọng trong chiến lược nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu ngày càng gắn với yêu cầu thích ứng khí hậu, năng lực tham gia xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn liên quan cũng sẽ trở thành một yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn.

Nguồn: Tbt.gov.vn

**QUAN NGẠI THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI CHỈ THỊ CỦA EU VỀ
YÊU CẦU TIẾP CẬN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ**

Tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tháng 6/2025 tại Geneva, Trung Quốc đã nêu Quan ngại thương mại cụ thể (Specific Trade Concern – STC) đối với Chỉ thị của Liên minh châu Âu (EU) về yêu cầu tiếp cận đối với sản phẩm và dịch vụ ((EU) 2019/882), được thông báo theo mã G/TBT/N/EU/395.

Chỉ thị này được EU thông qua ngày 07/6/2019 và yêu cầu các quốc gia thành viên nội luật hóa trước ngày 28/6/2022. Mục tiêu của Chỉ thị là thiết lập các yêu cầu về khả năng tiếp cận (accessibility) đối với một số sản phẩm và dịch vụ, nhằm bảo đảm người khuyết tật và người cao tuổi có thể sử dụng các sản phẩm, dịch vụ một cách thuận tiện hơn, đồng thời thúc đẩy thị trường nội khối EU vận hành thống nhất.

Nội dung quan ngại

Trung Quốc bày tỏ quan ngại rằng Chỉ thị chưa làm rõ phạm vi áp dụng đối với một số loại sản phẩm, đặc biệt là khái niệm được nêu tại Điều 2(1)(c) liên quan đến “thiết bị đầu cuối cho người tiêu dùng có khả năng tính toán tương tác, được sử dụng cho dịch vụ truyền thông điện tử”.

Theo Trung Quốc, việc thiếu định nghĩa rõ ràng đối với nhóm sản phẩm này có thể:

- Gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định sản phẩm có thuộc phạm vi điều chỉnh hay không;

- Làm giảm tính minh bạch và khả năng dự đoán của quy định;

- Ảnh hưởng đến quá trình tuân thủ và triển khai thực tế.

Trên cơ sở Điều 2.2 của Hiệp định TBT, Trung Quốc đề nghị EU làm rõ và chi tiết hóa định nghĩa về phạm vi sản phẩm, nhằm bảo đảm doanh nghiệp có đủ thông tin để đánh giá và đáp ứng yêu cầu của Chỉ thị.

Phản hồi của Liên minh châu Âu

EU ghi nhận quan ngại của Trung Quốc và làm rõ rằng thuật ngữ nêu tại Điều 2(1)(c) không được định nghĩa riêng trong Chỉ thị, do được xem là không mơ hồ và có thể hiểu theo nghĩa thông thường hoặc chuyên ngành.

Theo EU, “thiết bị đầu cuối có khả năng tính toán tương tác” được hiểu là các thiết bị hỗ trợ tương tác giữa con người và thiết bị, cho phép xử lý và truyền tải dữ liệu, âm thanh, hình ảnh hoặc kết hợp các yếu tố này. Các khái niệm liên quan cũng đã được làm rõ trong các điều khoản khác của Chỉ thị, bao gồm:

- Định nghĩa về “khả năng tính toán tương tác” (Điều 3(40));

- Định nghĩa về “dịch vụ truyền thông điện tử”, được dẫn chiếu từ Chỉ thị (EU) 2018/1972 nhằm bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật EU.

EU cũng viện dẫn phần lời nói đầu, theo đó phạm vi điều chỉnh bao gồm cả các thiết bị được sử dụng trong việc tiếp cận dịch vụ truyền thông điện tử, như bộ định tuyến (router) hoặc modem.

Theo EU, trong trường hợp các thiết bị khác, chẳng hạn như camera có chức năng kết nối không dây, nếu được sử dụng cho mục đích truy cập dịch vụ truyền thông điện tử, thì cũng có thể thuộc phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị. Khi đó, các sản phẩm này phải đáp ứng các yêu cầu về khả năng tiếp cận, bao gồm:

- Cung cấp thông tin và hướng dẫn sử dụng;

- Giao diện người dùng và chức năng sản phẩm;

- Dịch vụ hỗ trợ và bao bì sản phẩm.

EU khẳng định rằng Chỉ thị được xây dựng phù hợp với Điều 2.2 của Hiệp định TBT, không nhằm tạo ra rào cản thương mại không cần thiết mà góp phần tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa trong thị trường nội khối, thông qua việc thiết lập các yêu cầu thống nhất về khả năng tiếp cận.

Ngoài ra, EU cho biết tiêu chuẩn châu Âu về khả năng tiếp cận ICT (EN 301 549) đang được sửa đổi nhằm hỗ trợ việc áp dụng Chỉ thị, đồng thời tiêu chuẩn này cũng đã được sử dụng hoặc tham khảo tại một số quốc gia ngoài EU như Canada, Australia và một số nước châu Phi.

Quan ngại thương mại này phản ánh một xu hướng ngày càng rõ rệt trong chính sách TBT, đó là mở rộng phạm vi các yêu cầu kỹ thuật sang các khía cạnh xã hội, như khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật và người cao tuổi.

Trong bối cảnh đó, một số vấn đề chính nổi lên:

- Ranh giới giữa yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu chính sách xã hội ngày càng mờ dần, khi các quy định về khả năng tiếp cận, bao trùm xã hội trở thành điều kiện đối với sản phẩm và dịch vụ;
- Tính minh bạch và khả năng dự đoán của quy định trở nên đặc biệt quan trọng, nhất là đối với các khái niệm có phạm vi rộng và phụ thuộc vào cách diễn giải;
- Vai trò của tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn khu vực ngày càng lớn trong việc làm rõ yêu cầu kỹ thuật và hỗ trợ tuân thủ.

Tác động đối với doanh nghiệp Việt Nam

Đối với Việt Nam, Chỉ thị này có thể ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xuất khẩu:

- Thiết bị điện – điện tử tiêu dùng;
- Thiết bị ICT, thiết bị kết nối mạng;
- Các sản phẩm có chức năng tương tác và kết nối với dịch vụ truyền thông điện tử.

Một số tác động đáng lưu ý bao gồm:

(1) Mở rộng phạm vi yêu cầu kỹ thuật

Do phạm vi áp dụng có thể bao gồm cả các thiết bị có khả năng kết nối, doanh nghiệp cần rà soát kỹ để xác định sản phẩm có thuộc phạm vi điều chỉnh hay không.

(2) Gia tăng yêu cầu thiết kế và thông tin sản phẩm

Các yêu cầu về khả năng tiếp cận có thể liên quan đến:

- Giao diện người dùng;
- Hướng dẫn sử dụng;
- Dịch vụ hỗ trợ;
- Bao bì và thông tin sản phẩm.

(3) Yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn liên quan

Doanh nghiệp có thể cần tham chiếu và áp dụng các tiêu chuẩn như EN 301 549, đặc biệt trong lĩnh vực ICT.

(4) Rủi ro từ cách diễn giải quy định

Do một số khái niệm chưa được định nghĩa chi tiết, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc xác định nghĩa vụ tuân thủ, dẫn đến rủi ro trong tiếp cận thị trường.

Đối với cơ quan quản lý:

- Cần theo dõi các xu hướng mới trong TBT liên quan đến yêu cầu xã hội và bao trùm;
- Tăng cường phổ biến thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp về phạm vi áp dụng của các quy định mới;
- Thúc đẩy hài hòa tiêu chuẩn và tăng cường năng lực đánh giá sự phù hợp.

Đối với doanh nghiệp:

- Chủ động rà soát sản phẩm theo các tiêu chí về khả năng tiếp cận;
- Cập nhật tiêu chuẩn và quy định của thị trường EU;
- Tăng cường năng lực thiết kế sản phẩm phù hợp với yêu cầu mới.

Nguồn: Tbt.gov.vn

HỘ CHIẾU SỐ CỦA SẢN PHẨM VÀ YÊU CẦU MINH BẠCH MỚI TRONG THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Trong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng gắn chặt với các yêu cầu về phát triển bền vững, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm chuỗi cung ứng, minh bạch thông tin đang nổi lên như một yêu cầu mới của thị trường toàn cầu. Nếu trước đây doanh nghiệp chủ yếu phải chứng minh chất lượng, an toàn hoặc sự phù hợp của hàng hóa, thì nay thị trường đặt ra những yêu cầu rộng hơn: sản phẩm có nguồn gốc từ đâu, được sản xuất theo quy trình nào, có đáp ứng các tuyên bố môi trường hay xã hội hay không, và các thông tin đó có thể được kiểm chứng ở mức nào. Trong xu hướng đó, hộ chiếu số của sản phẩm (Digital Product Passport – DPP) đang được xem là một công cụ đáng chú ý.

Theo UNCTAD về UN Transparency Protocol, hướng tiếp cận mới này không chỉ dừng ở việc số hóa thông tin sản phẩm, mà còn hướng tới tạo ra một hệ thống minh bạch có thể vận hành xuyên suốt chuỗi giá trị toàn cầu. UNCTAD cho biết giao thức này bao gồm ba cấu phần đáng chú ý: (i) DPP - làm nơi chứa các tuyên bố về tính bền vững của sản phẩm; (ii) chứng chỉ phù hợp kỹ thuật số (digital conformity credential) - nhằm tăng độ tin cậy của các tuyên bố đó; và (iii) cấu trúc sự kiện truy xuất (traceability event) cho phép theo dõi toàn bộ từ đầu đến cuối chuỗi cung ứng. Cách tiếp cận này cho thấy minh bạch thương mại đang dần chuyển từ mô hình hồ sơ giấy tờ phân tán sang hệ thống thông tin số có khả năng liên kết và xác minh cao hơn.

Điều này có ý nghĩa đặc biệt lớn đối với cộng đồng WTO/TBT. Trên thực tế, các yêu cầu kỹ thuật trong thương mại ngày nay không còn giới hạn ở các chỉ tiêu vật lý, hóa học hay an toàn truyền thống, mà ngày càng mở rộng sang thông tin về quy trình sản xuất, dấu vết chuỗi cung ứng, các cam kết bền vững và tính xác thực của tuyên bố sản phẩm. Khi các yêu cầu này được số hóa, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và cơ chế đánh giá sự phù hợp sẽ càng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm thông tin được cung cấp theo cách thống nhất, đáng tin cậy và có thể được các thị trường thừa nhận.

Từ góc độ doanh nghiệp, đây vừa là thách thức vừa là cơ hội. Thách thức nằm ở chỗ khả năng tiếp cận thị trường có thể ngày càng phụ thuộc vào việc doanh nghiệp có đáp ứng được các yêu cầu mới về dữ liệu, truy xuất và minh bạch thông tin hay không. Nhưng ở chiều ngược lại, nếu được triển khai hiệu quả, DPP có thể giúp doanh nghiệp nâng cao độ tin cậy của thông tin sản phẩm, giảm bất cân xứng thông tin giữa các bên trong chuỗi cung ứng và tạo thuận lợi hơn cho việc chứng minh sự tuân thủ. Đối với các doanh nghiệp hướng tới xuất khẩu, đặc biệt là vào các thị trường có yêu cầu cao về bền vững, đây có thể sẽ trở thành một lợi thế cạnh tranh quan trọng trong thời gian tới.

Đối với Việt Nam, xu hướng này gợi mở yêu cầu tiếp tục tăng cường năng lực về tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận và hạ tầng dữ liệu phục vụ đánh giá sự phù hợp. Trong bối cảnh các thị trường lớn đang quan tâm nhiều hơn đến tính minh bạch và khả năng kiểm chứng của thông tin sản phẩm, việc theo dõi sớm các sáng kiến như DPP sẽ giúp doanh nghiệp và cơ quan quản lý chủ động hơn trong thích ứng chính sách và chuẩn bị năng lực thực thi. Đây cũng là một vấn đề rất đáng quan tâm đối với hệ thống TBT khi minh bạch thông tin đang dần trở thành một phần không thể tách rời của năng lực tiếp cận thị trường.

QUAN NGẠI THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH AN TOÀN ĐỒ CHƠI CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU

Tại phiên họp tháng 3/2025 của Ủy ban Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) thuộc Tổ chức Thương mại Thế giới, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã nêu Quan ngại thương mại cụ thể (Specific Trade Concern – STC) đối với Đề xuất Quy định của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu về an toàn đồ chơi, thay thế Chỉ thị 2009/48/EC, được EU thông báo theo mã G/TBT/N/EU/1017.

Đề xuất này là một phần trong nỗ lực của Liên minh châu Âu nhằm cập nhật khung pháp lý về an toàn đồ chơi, tăng cường bảo vệ trẻ em trước các rủi ro từ hóa chất nguy hại, đồng thời áp dụng các công cụ quản lý mới như hộ chiếu sản phẩm số (Digital Product Passport). Quy định mới dự kiến mở rộng phạm vi kiểm soát hóa chất, nâng cao yêu cầu minh bạch thông tin và tăng cường giám sát thị trường.

Trong bối cảnh ngành đồ chơi có chuỗi cung ứng toàn cầu phức tạp và vòng đời sản phẩm đa dạng, đề xuất này được nhiều thành viên WTO theo dõi sát do khả năng tác động đáng kể đến sản xuất, xuất khẩu và quản lý tuân thủ.

Nội dung chính của đề xuất quy định

Đề xuất Quy định an toàn đồ chơi của EU nhằm thay thế Chỉ thị hiện hành bằng một công cụ pháp lý trực tiếp áp dụng, qua đó tăng tính thống nhất trong thực thi giữa các quốc gia thành viên.

Một nội dung trọng tâm là mở rộng các hạn chế đối với hóa chất nguy hại. Ngoài việc tiếp tục cấm các chất gây ung thư, đột biến hoặc độc tính sinh sản (CMRs), đề xuất bổ sung các nhóm hóa chất khác như chất gây rối loạn nội tiết, chất độc đối với cơ quan cụ thể và các chất có thể ảnh hưởng đến hệ miễn dịch, thần kinh hoặc hô hấp. EU cho rằng trẻ em đặc biệt nhạy cảm với các hóa chất này do ảnh hưởng đến phát triển nhận thức và sức khỏe lâu dài.

Đề xuất cũng cho phép áp dụng ngoại lệ trong những trường hợp hạn chế, khi việc sử dụng chất đó không gây rủi ro cho trẻ em và không có giải pháp thay thế phù hợp.

Một nội dung quan trọng khác là việc triển khai hộ chiếu sản phẩm số (Digital Product Passport) đối với đồ chơi. Công cụ này nhằm tăng cường minh bạch thông tin về sản phẩm, hỗ trợ cơ quan quản lý trong giám sát thị trường và giúp người tiêu dùng tiếp cận thông tin về thành phần, an toàn và vòng đời sản phẩm.

Ngoài ra, đề xuất quy định thời hạn hiệu lực của hộ chiếu sản phẩm, trong đó một phương án được thảo luận là thời hạn 10 năm.

Quan ngại thương mại của Trung Quốc

Trung Quốc ghi nhận EU đã phản hồi các quan ngại trước đó và đề nghị EU tiếp tục cập nhật tiến độ đàm phán giữa Nghị viện châu Âu, Hội đồng châu Âu và Ủy ban châu Âu.

Trung Quốc đặc biệt quan ngại về các yêu cầu liên quan đến hóa chất và hộ chiếu sản phẩm số. Theo Trung Quốc, việc xây dựng các quy định này cần xem xét thực tế sản xuất của ngành đồ chơi, mức độ phơi nhiễm và tính khả thi kỹ thuật. Trung Quốc đề nghị EU bảo đảm các yêu cầu mang tính khả thi và tương xứng.

Trung Quốc cũng nhấn mạnh nhu cầu dành thời gian chuyển tiếp đầy đủ để doanh nghiệp thích ứng với các quy định mới.

Một quan ngại cụ thể liên quan đến thời hạn hiệu lực đồng nhất 10 năm của hộ chiếu sản phẩm. Trung Quốc cho rằng nhiều sản phẩm đồ chơi có vòng đời ngắn như bóng bay, dụng cụ thổi bong bóng hoặc đất nặn, do đó việc áp dụng thời hạn dài như vậy là không cần thiết và có thể làm tăng gánh nặng tuân thủ cho doanh nghiệp. Trung Quốc đề nghị

EU cung cấp cơ sở khoa học cho thời hạn này và xem xét áp dụng thời hạn khác nhau theo nhóm sản phẩm.

Quan ngại của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ bày tỏ ủng hộ mục tiêu bảo vệ trẻ em khỏi các sản phẩm đồ chơi nguy hiểm, đồng thời tiếp tục nêu quan ngại về nhiều nội dung trong đề xuất. Hoa Kỳ cho rằng một số giới hạn hóa chất được đề xuất có thể mang tính hạn chế và khó áp dụng, đồng thời chưa có bằng chứng đầy đủ cho thấy các mức giới hạn mới mang lại cải thiện đáng kể về an toàn. Điều này làm dấy lên câu hỏi về tính tương xứng của biện pháp.

Hoa Kỳ cũng bày tỏ nghi ngờ về hiệu quả của hệ chiếu sản phẩm số trong việc giải quyết một số vấn đề như hàng giả, đồng thời nhấn mạnh cần có thời gian chuyển tiếp dài hơn để tránh gián đoạn chuỗi cung ứng và phát sinh chất thải môi trường. Hoa Kỳ đề nghị EU tiếp tục cập nhật tiến độ đề xuất và xem xét đầy đủ ý kiến của các bên liên quan trong quá trình đàm phán.

Phản hồi của Liên minh châu Âu

EU cho biết đã xem xét các ý kiến của Trung Quốc và Hoa Kỳ trong bối cảnh đề xuất đang được thảo luận giữa Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu. EU nhấn mạnh mục tiêu của đề xuất là bảo đảm mức độ bảo vệ cao đối với trẻ em, đặc biệt trước các rủi ro từ hóa chất nguy hại. Việc mở rộng hạn chế hóa chất nhằm giải quyết các nguy cơ ảnh hưởng đến hệ nội tiết, phát triển nhận thức và sức khỏe của trẻ em.

EU lưu ý rằng một số nội dung cụ thể — như giới hạn đối với hương liệu gây dị ứng hoặc khả năng cấm PFAS — vẫn đang được thảo luận trong quá trình đàm phán. EU cho rằng đề xuất hiện tại là phù hợp và tương xứng với mục tiêu bảo vệ sức khỏe.

Về thời gian chuyển tiếp, EU cho biết nội dung này đang được Nghị viện và Hội đồng thảo luận, bao gồm cả thời gian để doanh nghiệp thích ứng và xử lý hàng tồn kho. Quy định cuối cùng có thể điều chỉnh thời gian chuyển tiếp.

EU cũng cập nhật tiến độ quy trình lập pháp: Nghị viện châu Âu đã thông qua lập trường lần thứ nhất vào tháng 3/2024, Hội đồng thông qua lập trường đàm phán vào tháng 5/2024, và các cuộc đàm phán ba bên (trialogue) đã bắt đầu từ cuối năm 2024 với mục tiêu đạt thỏa thuận trong nửa đầu năm 2025.

Quan ngại thương mại đối với đề xuất Quy định an toàn đồ chơi phản ánh xu hướng tăng cường quản lý hóa chất trong sản phẩm tiêu dùng, đặc biệt đối với nhóm người dùng dễ bị tổn thương như trẻ em. Các quy định mới cho thấy sự chuyển dịch từ mô hình quản lý dựa trên danh mục hóa chất sang cách tiếp cận rộng hơn, bao gồm đánh giá nguy cơ theo nhóm và tích hợp công cụ số như hệ chiếu sản phẩm. Điều này làm tăng mức độ minh bạch nhưng đồng thời cũng làm gia tăng yêu cầu tuân thủ.

Việc áp dụng hệ chiếu sản phẩm số là một xu hướng mới trong chính sách sản phẩm của EU, có khả năng mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác. Tuy nhiên, việc thiết kế yêu cầu phù hợp với vòng đời sản phẩm khác nhau là thách thức chính sách đáng chú ý.

Đối với Việt Nam, diễn biến này có ý nghĩa quan trọng do ngành đồ chơi và sản phẩm tiêu dùng có liên kết chặt với chuỗi cung ứng toàn cầu. Cơ quan quản lý cần theo dõi sát quy định mới về hóa chất và hệ chiếu sản phẩm của EU, đặc biệt các yêu cầu có khả năng lan rộng sang các ngành khác. Việc tham gia sớm vào cơ chế STC có thể giúp làm rõ yêu cầu kỹ thuật và giảm rủi ro thương mại.

Doanh nghiệp cần đánh giá tác động của các giới hạn hóa chất mới, chuẩn bị cập nhật dữ liệu sản phẩm và khả năng triển khai hệ chiếu sản phẩm số. Ngoài ra, việc phân loại sản phẩm theo vòng đời và đặc tính sử dụng sẽ ngày càng quan trọng trong chiến lược tuân thủ.

Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

STT	NƯỚC THÔNG BÁO	SẢN PHẨM/ VẤN ĐỀ THÔNG BÁO
DANH MỤC THÔNG BÁO DỰ THẢO MỚI VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT CỦA NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG QUÝ II/2026		
1	Ấn Độ	Viễn thông.
2	Ả rập xê út	Sản phẩm thực phẩm, Cá và sản phẩm từ cá.
3	Ai Cập	Bình khí, Sản phẩm thực phẩm, Sữa và sản phẩm từ sữa, Thuốc lá, Tiêu chuẩn khí thải, Phương tiện đường bộ, Hóa chất
4	Ba Lan	Thuốc lá
5	Brazil	Thuốc, Mỹ phẩm, Thiết bị đo, Công nghệ thực phẩm, Sản phẩm từ thịt, Công nghiệp 4.0, Nồi hơi, Cáp điện, Công nghệ chăm sóc sức khỏe.
6	Burundi	Sản phẩm dệt may, Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng, Rau củ, Dầu ăn, Vật liệu xây dựng, Gia vị, Thiết bị lắp đặt đường bộ.
7	Ca na đa	Trái cây tươi, Nông nghiệp hữu cơ, Viễn thông, Dược phẩm.
8	Chi lê	Máy bơm nhiệt điện, Thuốc, Nhiên liệu, Điện gia dụng, Khí LPG, Khí cụ điện, Bơm tăng áp, Máy cơ khí.
9	Costa Rica	Thuốc sinh học.
10	Đài Loan	Bộ cấp nguồn cho xe máy điện, Kết cấu xây dựng, Găng tay PVC gia dụng, Pin khô.
11	Ecuador	Điều hòa nhiệt độ.
12	Hàn Quốc	Thiết bị y tế.
13	Hoa Kỳ	Thanh chắn giường, Nôi trẻ em, An toàn đường ống, An toàn sản phẩm tiêu dùng, Thiết bị điện, Hóa chất, Phương tiện cơ giới, Các chất gây ô nhiễm không khí, Viễn thông, Rau củ tươi và đông lạnh, Thiết bị y tế, Trái cây, Khí nhà kính, Sản phẩm làm móng, Thiết bị bảo hộ, Cổng, Lốp xe, Năng lượng tái tạo, Chấn lưu đèn huỳnh quang, Phát thải, Bảo vệ tầng ozon, Nấm.
14	Indonesia	Khay đựng thực phẩm inox chia ngăn.
15	Jordan	Vật liệu xây dựng.
16	Kazakhstan	Dược phẩm, Thiết bị tiêu thụ năng lượng.
17	Kenya	Sản phẩm dệt may, Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng, Vật liệu xây dựng, Sản phẩm từ rau củ, Dầu ăn, Gia vị, Cồn.
18	Kuwait	Sản phẩm thực phẩm, Cá và sản phẩm từ cá.
19	Liên minh	Thiết bị hàng hải, Nhiên liệu sinh học, Nhựa và sản phẩm từ nhựa, Hộ

	châu Âu	chiếu sản phẩm kỹ thuật số.
20	Malawi	Rau củ tươi và rau củ đông lạnh các loại.
21	Mexico	Tiêu chuẩn về vận chuyển khí dầu mỏ hóa lỏng, Mô tạc, Máy giặt sấy công nghiệp, Bình nước nóng, Lò vi sóng.
22	Nhật Bản	Thức ăn chăn nuôi, Chứng nhận hợp quy thiết bị vô tuyến, Thiết bị đầu cuối, Dược phẩm.
23	Oman	Sản phẩm thực phẩm, Cá và sản phẩm từ cá
24	Peru	Hóa chất
25	Philippines	Dược phẩm, Thuốc lá.
26	Qatar	Sản phẩm thực phẩm, Cá và sản phẩm từ cá
27	Rwanda	Sản phẩm dệt may, Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng, Sản phẩm từ rau củ, Thức ăn gia súc, Thiết bị đường bộ, Dầu ăn, Vật liệu xây dựng, Thực phẩm bao gói sẵn, Nhà kho, Gia vị.
28	Singapore	Điều kiện nhập khẩu động vật, Năng lượng
29	Tanzania	Sản phẩm dệt may, Gia vị, Trái cây tươi, Rau củ tươi hoặc đông lạnh, Ngũ cốc, Bánh mì, Hải sản đông lạnh, Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng, Thiết bị đường bộ, Dầu ăn, Vật liệu xây dựng.
30	Thái Lan	Sản phẩm thảo dược, Giấy bọc thực phẩm.
31	Thổ Nhĩ Kỳ	Bột mì.
32	Trung Quốc	Thiết bị phòng cháy chữa cháy, Kíp nổ, Sản phẩm nhãn khoa, Thiết bị điện gia dụng, Tấm chống thấm, Kem đánh răng, Phương tiện cơ giới, Mỹ phẩm, Thiết bị hàng hải, Sản phẩm dệt may, Bao bì thực phẩm.
33	Uganda	Sản phẩm dệt may, Giấy bìa, Các loại sơn tường, Các loại nhiên liệu dạng lỏng, Thiết bị đường bộ, Sản phẩm từ rau củ, Dầu ăn, Gia vị, Gỗ và sản phẩm từ gỗ.
34	Ukraine	Hóa chất, Thuốc, Thiết bị điện và điện tử, Sữa, Phương tiện đường bộ.
35	Vương quốc Anh	Chất ô nhiễm hữu cơ bền vững, Chương trình áp dụng cho vỏ đồ uống.
36	Việt Nam	Thiết bị phòng cháy chữa cháy, Hàng hóa rủi ro trung bình và cao, Thiết bị giao thông, Đường sắt đô thị, Thuốc và nguyên liệu làm thuốc.
37	Ý	Bao bì nhựa dùng một lần.
38	Yemen	Sản phẩm thực phẩm, Cá và sản phẩm từ cá.

Trên đây là danh sách thông báo dự thảo mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước thành viên WTO ban hành trong Quý II/2026, doanh nghiệp cần chú ý. Quý doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đến các dự thảo này vui lòng liên hệ về Ban Biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được hỗ trợ bản dự thảo đầy đủ.

THÔNG BÁO VỀ BIỆN PHÁP TBT CỦA MỘT SỐ NƯỚC THÀNH VIÊN WTO DOANH NGHIỆP CẦN CHÚ Ý

1. Dự thảo sửa đổi quy định của Nhật Bản về tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi

Ngày 22/4/2026, Nhật Bản thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo sửa đổi Thông tư quy định về tiêu chuẩn và quy cách đối với thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi.

Dự thảo do Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) xây dựng, trong đó đề xuất bổ sung chất acetylcysteine vào danh mục phụ gia thức ăn chăn nuôi và thiết lập các tiêu chuẩn, quy cách kỹ thuật đối với chất này theo quy định tại Thông tư về tiêu chuẩn và quy cách thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (ban hành năm 1976).

Theo sửa đổi này, acetylcysteine đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và quy cách quy định sẽ được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi và đủ điều kiện để nhập khẩu vào Nhật Bản.

Tài liệu này áp dụng đối với chất acetylcysteine sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.

Mục tiêu của dự thảo là cung cấp thông tin cho người tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe con người, đồng thời bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực là tháng 5/2026. Hiện tại, thông báo không đưa ra thông tin về thời hạn góp ý.

2. Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc về len

Ngày 23/4/2026, Trung Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm len.

Dự thảo quy định các phân loại và cấp chất lượng (grade) của len, bao gồm len siêu mịn, len mịn, len mịn trung bình, len cải tiến và len bản địa. Đồng thời, dự thảo cũng đưa ra các yêu cầu kỹ thuật, quy định về kiểm tra, đóng gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển và tái kiểm tra đối với sản phẩm len.



Anh sưu tầm minh họa



Ảnh sưu tầm minh họa

Ngoài ra, tài liệu còn quy định các phương pháp lấy mẫu và kiểm tra nhằm bảo đảm tính

thống nhất và độ tin cậy trong đánh giá chất lượng sản phẩm.

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với toàn bộ chuỗi hoạt động liên quan đến len thô, bao gồm sản xuất, thương mại, chế biến, giám sát chất lượng cũng như kiểm tra và đánh giá đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Mục tiêu của dự thảo là ngăn ngừa hành vi gian lận thương mại, bảo vệ người tiêu dùng và thiết lập các yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

Thời gian dự kiến thông qua chưa được xác định. Dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/5/2027.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 22/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

3. Dự thảo quy định của Hoa Kỳ về các quy tắc sử dụng mới đáng kể đối với một số chất hóa học

Ngày 27/4/2026, Hoa Kỳ thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo quy định về các quy tắc sử dụng mới đáng kể (Significant New Use Rules - SNURs) đối với một số chất hóa học.

Dự thảo do Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) ban hành theo Đạo luật Kiểm soát các chất độc hại (TSCA), áp dụng đối với các chất hóa học đã được thông báo trước khi sản xuất (PMN) và đang chịu các lệnh quản lý của EPA. Theo đó, các tổ chức, cá nhân phải thông báo cho EPA ít nhất 90 ngày trước khi tiến hành sản xuất (bao gồm nhập khẩu) hoặc chế biến các chất hóa học này cho các mục đích được xác định là “sử dụng mới đáng kể”.



Ảnh sưu tầm minh họa

Việc thông báo này sẽ kích hoạt quá trình đánh giá của EPA đối với các điều kiện sử dụng của chất hóa học tương ứng. Hoạt động sản xuất hoặc chế biến chỉ được phép tiến hành sau khi EPA hoàn tất việc xem xét thông báo, đưa ra kết luận phù hợp và áp dụng các biện pháp quản lý cần thiết theo kết quả đánh giá.

Tài liệu này áp dụng đối với các chất hóa học thuộc ngành công nghiệp hóa chất, liên quan đến các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Mục tiêu của dự thảo là bảo vệ môi trường, đồng thời góp phần tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 26/5/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

4. Dự thảo sửa đổi quy định của Liên minh châu Âu về nhựa tái chế tiếp xúc với thực phẩm

Ngày 16/4/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2022/1616 liên quan đến quản lý nhựa tái chế sử dụng trong vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm.

Dự thảo sửa đổi nhằm giải quyết các thách thức hiện tại trong việc tăng cường kiểm soát và tài liệu liên quan đến nhựa tái chế, bao gồm cả sản phẩm nhập khẩu vào EU. Cụ thể, dự thảo đưa ra cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mã TARIC đối với các sản phẩm liên quan, đồng thời cải thiện hệ thống quản lý thông qua việc áp dụng nền tảng số tương tác để hỗ trợ đăng ký của doanh nghiệp và quản lý các cơ sở tái chế bởi cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên.



Ảnh sưu tầm minh họa

Ngoài ra, dự thảo cũng sửa đổi các quy định về hồ sơ tuân thủ, phương pháp thử nghiệm và các tài liệu cần xuất trình khi hàng hóa được phép lưu thông tự do trên thị trường EU, qua đó tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý chuỗi cung ứng nhựa tái chế.

Tài liệu này áp dụng đối với nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39), đặc biệt là các vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm.

Mục tiêu của dự thảo là bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe con người và bảo vệ môi trường.

Thời gian dự kiến thông qua là ngày 30/9/2026 và dự kiến có hiệu lực sau 21 ngày kể từ ngày được công bố trên Công báo chính thức của EU.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 15/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

5. Dự thảo quy định của Philippines về chứng nhận bắt buộc đối với sản phẩm nicotine dạng túi

Ngày 08/4/2026, Philippines thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo quy định hướng dẫn thực hiện chứng nhận sản phẩm bắt buộc đối với sản phẩm nicotine dạng túi (nicotin pouch - một dạng túi nhỏ không khói, không mùi, chứa nicotine tinh khiết (thường là tổng hợp), dùng bằng cách đặt dưới môi trên để hấp thụ qua niêm mạc.)).

Dự thảo được ban hành trong bối cảnh cần xử lý khẩn cấp các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng, nhằm bảo đảm rằng chỉ các sản phẩm thuốc lá thể hệ mới tuân thủ quy định mới được lưu hành trên thị trường. Do tính cấp thiết này, thời gian góp ý được rút ngắn còn 15 ngày để sớm ban hành các biện pháp quản lý, bảo vệ người tiêu dùng và hạn chế tiếp xúc với các sản phẩm có nguy cơ gây hại.



Ảnh sưu tầm minh họa

Dự thảo áp dụng đối với thuốc lá, sản phẩm thuốc lá và các thiết bị liên quan nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người.

Thời gian dự kiến thông qua chưa được xác định. Tuy nhiên, văn bản sẽ có hiệu lực ngay sau khi được công bố trên Công báo chính thức hoặc trên hai tờ báo lưu hành rộng rãi.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 22/4/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

6. Dự thảo sửa đổi quy định của Đài Loan về hạn chế sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh pin khô

Ngày 02/4/2026, Đài Loan thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo sửa đổi quy định về hạn chế sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh pin khô.

Dự thảo sửa đổi các quy định hiện hành nhằm tăng cường quản lý thủy ngân trong nước và phù hợp với Công ước Minamata của Liên Hợp Quốc về thủy ngân. Theo đó, loại bỏ việc cho phép sử dụng thủy ngân trong sản xuất pin cúc áo oxit bạc và pin kẽm-không khí có hàm lượng thủy ngân dưới 2%, đồng thời sửa đổi các quy định liên quan và phụ lục kèm theo.



Ảnh sưu tầm minh họa

Biện pháp này áp dụng đối với các loại pin khô dùng một lần, bao gồm pin mangan-kẽm, pin kiềm mangan và các loại pin cúc áo, hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường.

Đài Loan chưa xác định thời gian dự kiến thông qua biện pháp. Theo dự kiến, dự thảo sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, trong đó một số nội dung có hiệu lực ngay sau khi được thông qua.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 01/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

7. Dự thảo sửa đổi tiêu chuẩn phân hạng nấm của Hoa Kỳ

Ngày 13/4/2026, Hoa Kỳ thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn phân hạng đối với nấm.

Dự thảo do Cơ quan Dịch vụ Tiếp thị Nông nghiệp (AMS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) xây dựng, nhằm cập nhật các tiêu chuẩn phân hạng nấm phù hợp với thực tiễn sản xuất và xử lý hiện đại. Các nội dung sửa đổi chính bao gồm: bổ sung hạng (grade) mới đối với nấm portabella; loại bỏ tiêu chí về kích thước khối các tiêu chí phân hạng và xây dựng một mục riêng về kích thước; đồng thời sửa đổi mức dung sai đối với các khuyết tật của sản phẩm.



Ảnh sưu tầm minh họa

Ngoài ra, dự thảo cũng cập nhật thuật ngữ, định nghĩa và hướng dẫn chấm điểm khuyết tật nhằm nâng cao tính rõ ràng và nhất quán trong quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm.

Tài liệu này áp dụng đối với nấm và nấm cục (HS 07095), liên quan đến các yêu cầu về chất lượng, quản lý chất lượng và sản phẩm rau củ.

Mục tiêu của dự thảo là cung cấp thông tin cho người tiêu dùng và hoàn thiện các yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

Thời gian dự kiến thông qua và có hiệu lực hiện chưa được xác định.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 09/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

8. Dự thảo quy định của Đài Loan về kiểm tra bắt buộc đối với dầm thép chữ H cán nóng

Ngày 16/4/2026, Đài Loan thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra đề xuất quy định kiểm tra bắt buộc đối với dầm thép chữ H cán nóng đã qua gia công thứ cấp đơn giản.

Theo dự thảo, để bảo đảm an toàn đối với các sản phẩm thép sử dụng trong xây dựng, cơ quan chức năng đề xuất đưa các sản phẩm dầm thép chữ H cán nóng (thuộc mã HS 730890) đã qua gia công thứ cấp đơn giản vào phạm vi quản lý kiểm tra bắt buộc. Các sản phẩm này sẽ phải thực hiện thủ tục đánh giá sự phù hợp theo hình thức đăng ký chứng nhận sản phẩm (Registration of Product Certification) trước khi được lưu thông trên thị trường.



Ảnh sưu tầm minh họa

Quy định này nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng và an toàn của vật liệu xây dựng, đặc biệt đối với các sản phẩm có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết cấu công trình.

Mục tiêu của dự thảo là bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người.

Thời gian dự kiến thông qua chưa được xác định. Dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2027.

Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 15/6/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

9. Dự thảo sửa đổi tiêu chuẩn quốc gia Trung Quốc về yêu cầu hạn chế bao bì quá mức đối với thực phẩm

Ngày 01/6/2026, Trung Quốc đã gửi thông báo mã G/TBT/N/CHN/447/Add.3 tới Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về Dự thảo Sửa đổi lần 3 của Tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc GB 23350-2021 - Yêu cầu hạn chế bao bì quá mức đối với thực phẩm và mỹ phẩm.

GB 23350-2021 là tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc của Trung Quốc, được ban hành ngày 10/8/2021 và có hiệu lực từ ngày 01/9/2023, thay thế phiên bản năm 2009, đã được thông báo theo mã G/TBT/N/CHN/447 cho WTO vào ngày 01/9/2008. Đây là lần sửa đổi thứ ba, nội dung sửa đổi lần này chỉ áp dụng đối với nhóm sản phẩm thực phẩm.



Ảnh sưu tầm minh họa

Các sản phẩm chịu tác động gồm: đồ hộp thủy sản; đồ hộp thịt gia súc, gia cầm; đồ hộp khác; cà phê phin; các sản phẩm hòa tan khác; mì/cơm ăn liền có kèm sẵn ly và tô.

Nội dung sửa đổi chủ yếu tập trung vào việc cập nhật bảng quy định hệ số không gian cần thiết của bao bì (ký hiệu k) đối với từng nhóm thực phẩm. Hệ số k là tỷ lệ tối đa giữa thể tích bao bì và thể tích thực phẩm bên trong, hệ số k càng thấp, yêu cầu bao bì càng nghiêm ngặt hơn. Đây là cơ sở kỹ thuật để cơ quan quản lý Trung Quốc xác định mức độ tuân thủ của sản phẩm đối với quy định về bao bì.

Theo thông báo, nội dung sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày ban hành và không có thời gian chuyển tiếp. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh cần chủ động rà soát thiết kế bao bì, đánh giá mức độ phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật được sửa đổi nhằm bảo đảm tuân thủ khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

Để chủ động thích ứng với sự thay đổi về yêu cầu kỹ thuật của thị trường Trung Quốc, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Ủy ban) kính đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời phổ biến thông tin nêu trên tới các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý hoặc hội viên có hoạt động xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc; đồng thời theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để phối hợp xử lý khi cần thiết.

10. Dự thảo Quy định thực thi về Hệ thống đăng ký Hộ chiếu sản phẩm kỹ thuật số của EU

Ngày 21/5/2026, Liên minh châu Âu (EU) đã gửi thông báo số G/TBT/N/EU/1211 cho Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban EU quy định việc thực thi đối với Hệ thống đăng ký Hộ chiếu Sản phẩm kỹ thuật số (Digital Product Passport Registry — DPP Registry) theo Điều 13 của Quy định (EU) 2024/1781 cho sản phẩm bền vững (Ecodesign for Sustainable Products Regulation — ESPR).



Ảnh sưu tầm minh họa

Theo nội dung thông báo, DPP Registry dự kiến áp dụng bắt buộc đối với nhiều nhóm sản phẩm lưu thông trên thị trường EU, bao gồm: Sản phẩm dệt may, điện tử, giày dép, nội thất; Pin và ắc quy; Vật liệu và sản phẩm xây dựng; Đồ chơi trẻ em; Chất tẩy rửa và hoạt động bề mặt và các sản phẩm khác thuộc diện phải áp dụng hộ chiếu sản phẩm số theo quy định của EU. Dự thảo dự kiến thông qua vào ngày 19/7/2026 và có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày đăng công báo EU. Hạn góp ý cuối cho các nước Thành viên WTO là ngày 15/6/2026.

Theo dự thảo, đối với các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh, doanh nghiệp phải cung cấp và cập nhật trên hệ thống DPP Registry thông tin liên quan đến tính bền vững, khả năng tái chế, thành phần vật liệu và tính tuân thủ pháp lý của sản phẩm. Việc đăng ký và cập nhật dữ liệu yêu cầu thực hiện xác thực danh tính điện tử bằng chữ ký điện tử hoặc con dấu điện tử phù hợp với quy định của EU. Sau khi hoàn thành thủ tục xác thực danh tính điện tử, doanh nghiệp sẽ được cấp trạng thái “đã xác thực – Verified” trên hệ thống với thời hạn tối đa 03 năm và phải thực hiện xác thực lại khi hết thời hạn.

Để đáp ứng yêu cầu của hệ thống DPP Registry, doanh nghiệp có thể cần thiết lập cơ chế thu thập, quản lý và số hóa dữ liệu trong toàn bộ chuỗi cung ứng nhằm bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của thông tin sản phẩm. Theo dự thảo, doanh nghiệp chịu trách nhiệm đối với tính chính xác và toàn vẹn của dữ liệu đã đăng ký, kể cả trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký trên hệ thống.

Nhằm chủ động chuẩn bị phương án ứng phó đối với quy định nêu trên, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Ủy ban) kính đề nghị:

1. Đối với các cơ quan quản lý

Nghiên cứu nội dung dự thảo, đánh giá tác động đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam thuộc phạm vi quản lý để phối hợp với Ủy ban xây dựng ý kiến góp ý thống nhất gửi phía EU nếu cần thiết.

2. Đối với các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp

Nghiên cứu nội dung dự thảo; rà soát khả năng thu thập, quản lý và số hóa dữ liệu trong chuỗi cung ứng phục vụ việc đáp ứng yêu cầu hộ chiếu sản phẩm số của EU; đồng thời theo dõi lộ trình ban hành các quy định triển khai cụ thể theo từng nhóm sản phẩm trong giai đoạn 2026 -2027 để chủ động xây dựng kế hoạch tuân thủ phù hợp.

Trên đây là các thông báo dự thảo mới doanh nghiệp cần chú ý. Quý doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đến các dự thảo này vui lòng liên hệ Ban Biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được hỗ trợ.

Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI			
DANH MỤC VĂN BẢN CỦA VIỆT NAM MỚI BAN HÀNH QUÝ II/2026 (Doanh nghiệp cần chú ý)			
Số ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
Nghị định số 101/2026/NĐ-CP	31/3/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
Nghị định số 110/2026/NĐ-CP	01/4/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu
Nghị quyết số 86/NQ-CP	05/4/2026	Chính phủ	Chiến lược Quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo
Nghị định số 127/2026/NĐ-CP	06/4/2026	Chính phủ	Quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal
Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP	29/4/2026	Chính phủ	Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
Nghị định số 142/2026/NĐ-CP	30/4/2026	Chính phủ	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo
Nghị định số 143/2026/NĐ-CP	05/5/2026	Chính phủ	Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất giai đoạn 2026-2027
Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg	15/5/2026	Chính phủ	Ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển
Thông báo số 244/TB-VPCP	12/5/2026	Văn phòng Chính phủ	Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại Hội nghị thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đảm bảo mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu năm 2026
Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN	27/02/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng
Thông tư số 05/2026/TT-BKHCN	10/3/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia
Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN	09/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn
Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN	09/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN	09/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật

Thông tư số 16/2026/TT-BKHCN	09/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quy định chi tiết việc ký kết, thực hiện các hiệp định, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp
Thông tư số 19/2026/TT-BKHCN	30/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	“Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học”
Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN	20/5/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN	20/5/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN	20/5/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng để thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với pháp luật về đầu tư kinh doanh
Quyết định số 2136/QĐ-BKHCN	16/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 12884-1:2026, Bột khoáng dùng cho hỗn hợp nhựa – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật, TCVN 12884-2:2026, Bột khoáng dùng cho hỗn hợp nhựa – Phần 2: Phương pháp thử
Quyết định số 2187/QĐ-BKHCN	22/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14396:2025, Cổng thoát nước thi công bằng phương pháp đào ngầm – Yêu cầu về thiết kế, thi công và nghiệm thu
Quyết định số 2201/QĐ-BKHCN	23/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 4731:2026, Kiểm dịch thực vật – Phương pháp lấy mẫu
Quyết định số 2210/QĐ-BKHCN	23/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 07 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 8400-58:2026, Bệnh động vật – Quy trình chẩn đoán – Phần 58: Bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò, TCVN 8400-59:2026, Bệnh động vật – Quy trình chẩn đoán – Phần 59: Bệnh cúm gia cầm A/H9N2, TCVN 8400-60:2026, Bệnh động vật – Quy trình chẩn đoán – Phần 60: Bệnh rết mủ ở thủy cầm, TCVN 8710-29:2026, Bệnh thủy sản – Quy trình chẩn đoán – Phần 29: Bệnh do vi rút Herpes ở bào ngư, TCVN 8710-30:2026, Bệnh thủy sản – Quy trình chẩn đoán – Phần 30: Bệnh nhiễm trùng xuất huyết do vi rút Viral haemorrhagic septicaemia ở

			cá, TCVN 8710-31:2026, Bệnh thủy sản – Quy trình chẩn đoán – Phần 31: Bệnh tuyến tụy do vi rút Salmonid alphavirus ở cá hồi, TCVN 8710-32:2026, Bệnh thủy sản – Quy trình chẩn đoán – Phần 32: Bệnh trắng đuôi do vi rút Macrobrachium rosenbergii nodavirus ở tôm càng xanh
Quyết định số 2218/QĐ-BKHCN	24/4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14541:2026, Tiêu chí đánh giá sự phù hợp của lô gỗ xẻ, TCVN 14542:2026, Phôi gỗ và bán thành phẩm có biên dạng định hình sử dụng trong các ứng dụng phi kết cấu – Các yêu cầu, TCVN 14543:2026, Phôi gỗ ghép nhiều lớp, ghép ngón và bán thành phẩm có biên dạng định hình sử dụng trong các ứng dụng phi kết cấu – Hướng dẫn đánh giá chất lượng tại nhà máy
Thông tư số 14/2026/TT-BCT	25/3/2026	Bộ Công thương	Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu
Thông tư số 24/2026/TT-BCT	05/5/2026	Bộ Công thương	Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất
Quyết định số 1046/QĐ-BCT	05/5/2026	Bộ Công thương	Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Công nghiệp nặng và Xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương
Quyết định 1157/QĐ-BCT	20/5/2026	Bộ Công thương	Về lượng hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô năm 2026 theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

**KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG
TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XĂNG DẦU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2026 (ĐỢT 1)**

Thực hiện Quyết định số 416a/QĐ-SKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng năm 2026, từ ngày 13-22/4/2026, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình đã tổ chức thực hiện cuộc kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng tại 29 cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.



Đoàn kiểm tra của Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình làm việc tại cơ sở

Nội dung kiểm tra tập trung chủ yếu về việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác đo lường và chất lượng tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, cụ thể: Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với quy định về phê duyệt mẫu và thực hiện các chế độ kiểm định; sự phù hợp với quy định về thể hiện yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản trên phương tiện đo, hoặc ghi trên nhãn, tài liệu kèm theo; việc lập và lưu giữ hồ sơ tự kiểm tra định kỳ đối với phương tiện

đo và điều kiện thực hiện phép đo; kiểm tra phép đo so với giới hạn sai số cho phép; việc thực hiện quy trình kiểm soát hệ thống bể chứa xăng, dầu; việc thông báo công khai các thông tin về loại xăng dầu, tiêu chuẩn công bố áp dụng; việc lưu mẫu, hồ sơ chất lượng theo từng lô hàng và sự phù hợp của hàng hóa đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng, tài liệu kèm theo.



Kiểm tra về đo lường, chất lượng tại cơ sở kinh doanh xăng dầu.

Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra ghi nhận kết quả cơ bản các cơ sở kinh doanh xăng dầu đã thực hiện đúng các quy định về đo lường, chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành. Tất cả các phương tiện đo đang sử dụng trong hoạt động kinh doanh xăng dầu đều phù hợp với quyết định phê duyệt mẫu và quy định về thể hiện yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản trên phương tiện đo, hoặc ghi trên nhãn, tài liệu kèm theo; thực hiện nghiêm túc việc kiểm định định kỳ và sau sửa chữa; các phép đo có sai số đều nằm trong giới hạn cho phép và đồng thời các cơ sở đã thực hiện tốt việc thông báo ở vị trí dễ nhận biết đầy đủ các thông tin về tên, chủng loại hàng hóa và tiêu chuẩn công bố áp dụng.

Tuy nhiên, một số cơ sở chưa thực hiện lưu giữ đầy đủ hồ sơ phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2 và chưa thực hiện đầy đủ quy trình kiểm soát hệ thống bể chứa xăng dầu. Đoàn kiểm tra đã yêu cầu các cơ sở nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên và thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu.

Qua công tác kiểm tra đã giúp cơ quan quản lý nhà nước kịp thời ngăn chặn, phát hiện và xử lý những sai phạm, đồng thời tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật về đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên trong giao dịch kinh tế, đồng thời ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương./.

Phạm Sao – Phòng Quản lý Đo lường

**HỘI NGHỊ “NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC THI QUY ĐỊNH
HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI (TBT) VÀ XUẤT XỨ HÀNG HOÁ
NHẪM TẠO THUẬN LỢI CHO THƯƠNG MẠI”**

Ngày 19/5/2026, Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình phối hợp với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tổ chức Hội nghị với chủ đề “Nâng cao năng lực thực thi quy định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và xuất xứ hàng hoá nhằm tạo thuận lợi cho thương mại”.

Tham dự Hội nghị có đồng chí Trần Hậu Ngọc, Phó Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; đồng chí Nguyễn Toàn Thắng, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình, các đồng chí Lãnh đạo Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng, cùng đại diện các cơ quan (Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Chi cục Hải quan khu vực IV, Chi cục Quản lý Thị trường) và 70 doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.



*Đồng chí Trần Hậu Ngọc, Phó chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
phát biểu khai mạc Hội nghị*



Đồng chí Nguyễn Toàn Thắng, Phó Giám đốc Sở KH&CN phát biểu tại Hội nghị

Phát biểu tại hội nghị, Đồng chí Nguyễn Toàn Thắng, Phó Giám đốc Sở KH&CN nhấn mạnh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, các doanh nghiệp của chúng ta không chỉ đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt mà còn phải đáp ứng những tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt từ thị trường quốc tế. Việc hiểu và vận dụng đúng các quy định về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) cũng như các quy tắc xuất xứ hàng hóa không chỉ là yêu cầu bắt buộc để vượt qua "cánh cửa" hải quan, mà còn là chìa khóa để doanh nghiệp tận dụng tối đa các ưu đãi thuế quan, nâng cao giá trị thương hiệu và sức cạnh tranh cho sản phẩm hàng hóa.

Tại hội nghị, các đại biểu đã hướng dẫn một số quy định mới trong triển khai Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Cách khai thác và sử dụng thông tin hàng rào kỹ thuật trong thương mại để phòng tránh rủi ro cho các doanh nghiệp xuất khẩu; những lưu ý, nguyên tắc và khuyến nghị cho doanh nghiệp trong khai báo xuất xứ hàng hóa....



Bà Nguyễn Thị Mai Phương, Phó trưởng ban Hợp tác Quốc tế & TBT, chia sẻ cách tiếp cận và sử dụng thông tin hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Việc tổ chức thành công Hội nghị đã giúp các Doanh nghiệp cập nhật, chủ động đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, an toàn và môi trường của nước nhập khẩu. Điều này giúp tránh rủi ro bị từ chối thông quan hoặc bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu và hội nhập sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng quốc tế./

Phạm Văn Thái - Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng

**NGUY CƠ MẤT AN TOÀN KHI SỬ DỤNG
Ổ CẮM THÔNG MINH TRONG GIA ĐÌNH**

Trong bối cảnh xu hướng nhà thông minh ngày càng phát triển mạnh mẽ, các thiết bị điện tử kết nối Internet, đặc biệt là ổ cắm thông minh, đang trở nên phổ biến trong nhiều hộ gia đình. Với khả năng điều khiển từ xa thông qua điện thoại thông minh, thiết bị này mang lại sự tiện lợi, hỗ trợ người dùng quản lý việc sử dụng điện hiệu quả hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những tiện ích đó, ổ cắm thông minh cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn nếu sử dụng không đúng cách, đặc biệt là nguy cơ quá tải điện, chập cháy và hư hỏng thiết bị.



Ảnh minh họa

Theo khuyến cáo của các chuyên gia kỹ thuật điện, phần lớn các loại ổ cắm thông minh hiện nay có công suất định mức dao động từ 10A đến 15A, tương đương khoảng 1.200W đến 1.800W. Trong khi đó, nhiều thiết bị điện gia dụng như điều hòa, lò nướng, máy sưởi, máy rửa bát... lại có mức tiêu thụ điện năng rất lớn, nhất là trong thời điểm khởi động. Việc sử dụng các thiết bị công suất cao thông qua ổ cắm thông minh có thể dẫn đến tình trạng quá tải, gây nóng chảy linh kiện, biến dạng thiết bị, thậm chí dẫn đến cháy nổ.

Ngoài ra, thói quen sử dụng ổ cắm nhiều cổng để kết nối đồng thời nhiều thiết bị điện cũng làm gia tăng tổng công suất tiêu thụ vượt quá khả năng chịu tải của ổ cắm và hệ thống điện dân dụng. Thực tế cho thấy, quá tải điện là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến các vụ cháy tại khu dân cư trong thời gian qua.

Không chỉ tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ, ổ cắm thông minh còn có thể gây rủi ro đối với các thiết bị y tế và thiết bị quan trọng trong gia đình. Các thiết bị như máy tạo oxy, máy trợ thở hoặc thiết bị theo dõi sức khỏe cần nguồn điện ổn định và liên tục để đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Trong khi đó, ổ cắm thông minh phụ thuộc vào kết nối mạng và phần mềm điều khiển, nên có thể xảy ra sự cố gián đoạn bất ngờ do lỗi kỹ thuật hoặc thao tác điều khiển. Chỉ một sự cố nhỏ cũng có thể làm ngắt nguồn điện, gây hậu quả nghiêm trọng đối với người bệnh.

Để hạn chế các rủi ro và bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng, người tiêu dùng cần lưu ý một số khuyến nghị quan trọng như:

- Kiểm tra kỹ công suất định mức của ổ cắm và công suất tiêu thụ của thiết bị trước khi sử dụng;
- Không sử dụng ổ cắm thông minh cho các thiết bị có công suất lớn hoặc hoạt động liên tục trong thời gian dài;
- Hạn chế cắm nhiều thiết bị cùng lúc vào một ổ cắm;
- Ưu tiên lựa chọn sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn điện;
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng thiết bị và ngừng sử dụng ngay khi phát hiện các dấu hiệu bất thường như nóng bất thường, có mùi khét hoặc biến dạng.

Bên cạnh việc nâng cao ý thức của người tiêu dùng, công tác tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng sản phẩm điện, điện tử cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an toàn. Nhằm tăng cường đồng bộ kỹ thuật và nâng cao mức độ an toàn điện, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-BKHCN công bố 6 tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14296:2025 đối với phích cắm, ổ cắm và thiết bị kết nối dùng cho xe điện. Các tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về an toàn điện, khả năng cách điện, chịu tải, quản lý nhiệt và tính tương thích giữa các thiết bị, góp phần hạn chế nguy cơ chập cháy, điện giật và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Trong xu thế chuyển đổi số và phát triển nhà thông minh hiện nay, ổ cắm thông minh mang lại nhiều tiện ích cho cuộc sống hiện đại. Tuy nhiên, để thiết bị phát huy hiệu quả và đảm bảo an toàn, người dân cần nâng cao nhận thức, tuân thủ các khuyến cáo kỹ thuật và lựa chọn sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng. Đây cũng là giải pháp thiết thực nhằm bảo vệ an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Hà Trang Nhung - Phòng Hành chính và TBT

FDA CẢNH BÁO THỰC PHẨM CHỨC NĂNG GIẢM CÂN CHỨA CHẤT CỰC ĐỘC TRẦN LAN TRÊN AMAZON, EBAY

Một cảnh báo y tế nghiêm trọng vừa được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA) phát đi sau khi phát hiện hàng loạt thực phẩm chức năng giảm cân bán trực tuyến có chứa trúc đào vàng - loài thực vật cực độc có thể gây tử vong.

Trong danh sách cập nhật mới nhất, FDA đã chỉ đích danh 28 sản phẩm có nguy cơ cao, được quảng cáo chứa “rễ táo gai Mexico” hoặc “hạt Brazil”. Tuy nhiên, kết quả kiểm nghiệm cho thấy các sản phẩm này thực chất đã bị thay thế bằng trúc đào vàng - một loại cây chứa độc tính mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến tim mạch và hệ thần kinh. Điều đáng lo ngại là các sản phẩm này từng được phân phối rộng rãi trên các nền tảng thương mại điện tử lớn như Amazon và eBay, thậm chí vẫn có thể được tìm thấy trên một số kênh bán hàng trực tuyến dù đã có cảnh báo.

Trúc đào vàng vốn có nguồn gốc từ Mexico và Trung Mỹ, chứa các hợp chất độc có khả năng gây rối loạn điện tim nghiêm trọng. Người sử dụng có thể xuất hiện các triệu chứng như buồn nôn, đau bụng, mê sảng, tiêu chảy và nguy hiểm nhất là ngừng tim đột ngột.

Theo các chuyên gia, độc tố trong loại cây này thuộc nhóm glycoside tim, có cơ chế tác động tương tự một số loại thuốc tim mạch nhưng ở mức độ nguy hiểm hơn nhiều khi không được kiểm soát liều lượng. Chỉ cần một lượng nhỏ cũng có thể gây ngộ độc cấp tính.

Thực tế, nguy cơ từ các sản phẩm “giảm cân thảo dược” này đã được cảnh báo từ trước. Năm 2023, các chuyên gia tại Mỹ ghi nhận nhiều ca nhập viện với biểu hiện nhịp tim chậm, tụt huyết áp và rối loạn điện giải sau khi sử dụng sản phẩm dán nhãn tejocote. Kết quả kiểm nghiệm cho thấy nguyên nhân là do sản phẩm bị pha trộn hạt của cây trúc đào vàng – loại có hình dạng tương tự, dễ gây nhầm lẫn với nguyên liệu tự nhiên.

SELLING FIRM	BRAND	WEBSITE PURCHASED FROM	PRODUCT	RECALL STATUS
Naturista Reyes (Suerte Y Salud LLC, La Tia Mana LLC) Added to table March 11, 2026	Chupa Panza	ebay.com		FDA unable to contact selling firm. Ebay removed the listing on 3/10/2026.
OBC GROUP CORP Added to table November 3, 2025	SdB Semilla de Brasil Tejocote Root	ebay.com		Firm has not committed to a recall
OBC GROUP CORP Added to table November 3, 2025	SdB ELITE	naturalvida.com		Firm has not committed to a recall

Nhiều sản phẩm thực phẩm chức năng chứa chất độc mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến tim mạch và hệ thần kinh. Ảnh: Newszing

Từ những ca bệnh này, cơ quan y tế đã mở rộng và phát hiện tình trạng gian lận thành phần diễn ra trên diện rộng, không chỉ ở một vài sản phẩm đơn lẻ. Trong số các sản phẩm bị phát hiện, chỉ một phần doanh nghiệp chủ động thu hồi. Nhiều đơn vị khác vẫn chưa có động thái rõ ràng, thậm chí không thể liên hệ. Một số sản phẩm chỉ bị gỡ khỏi sàn thương mại điện tử nhưng chưa được thu hồi chính thức, làm dấy lên lo ngại về việc hàng hóa vẫn tiếp tục lưu hành ngoài thị trường.

FDA cho biết đang phối hợp với các nền tảng trực tuyến để kiểm soát và loại bỏ các sản phẩm nguy hiểm, đồng thời tiếp tục mở rộng điều tra để phát hiện thêm các trường hợp vi phạm. Vụ việc không chỉ dừng lại ở một cảnh báo riêng lẻ mà còn phản ánh lỗ hổng lớn trong quản lý thị trường thực phẩm chức năng, đặc biệt là trên môi trường thương mại điện tử.

FDA khuyến nghị người tiêu dùng ngừng sử dụng ngay các sản phẩm nằm trong danh sách cảnh báo và tiêu hủy chúng. Những người đã sử dụng nên đi kiểm tra sức khỏe, ngay cả khi chưa xuất hiện triệu chứng.

Trong trường hợp có dấu hiệu bất thường như tim đập nhanh hoặc chậm bất thường, chóng mặt, khó thở hay co giật, người dân cần nhanh chóng đến cơ sở y tế để được cấp cứu kịp thời. Bên cạnh đó, người tiêu dùng được khuyến cáo không nên tin vào các quảng cáo “giảm cân cấp tốc”, “thảo dược an toàn tuyệt đối”, mà cần lựa chọn sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan chức năng kiểm định.

Vụ việc lần này một lần nữa gióng lên hồi chuông cảnh báo về những rủi ro tiềm ẩn trong thị trường thực phẩm chức năng toàn cầu. Khi việc mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến, người tiêu dùng có thể dễ dàng tiếp cận các sản phẩm không rõ nguồn gốc chỉ qua vài cú nhấp chuột. Trong bối cảnh đó, việc tăng cường kiểm soát, minh bạch thông tin và nâng cao nhận thức người tiêu dùng được xem là giải pháp then chốt nhằm ngăn chặn các sản phẩm nguy hiểm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Quy định quản lý thực phẩm chức năng

Thông tư số: 11/VBHN-BYT quy định các hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công bố sản phẩm, ghi nhãn và hướng dẫn sử dụng thực phẩm chức năng bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, kể cả thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.

Thông tư này không áp dụng đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức dùng cho trẻ nhỏ. Việc sản xuất, kinh doanh, công bố sản phẩm, ghi nhãn và hướng dẫn sử dụng sản phẩm này được thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ.

Thực phẩm chức năng được định nghĩa và phân loại rõ ràng, bao gồm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học và thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt. Tất cả các sản phẩm trước khi lưu hành đều phải thực hiện công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm hoặc công bố hợp quy, kèm theo các tài liệu chứng minh về chất lượng, thành phần và công dụng.

Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, cơ sở phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về an toàn thực phẩm, từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến nhân sự trực tiếp tham gia. Đồng thời, việc ghi nhãn, quảng cáo và hướng dẫn sử dụng cũng bị kiểm soát chặt nhằm tránh gây hiểu lầm cho người tiêu dùng.

Đáng chú ý, quy định cũng nêu rõ các trường hợp bắt buộc phải thu hồi thực phẩm chức năng, như sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, hết hạn sử dụng, chưa được cấp phép hoặc bị cảnh báo không an toàn từ cơ quan chức năng trong và ngoài nước. Khi đó, doanh nghiệp phải chủ động thu hồi và chịu toàn bộ chi phí xử lý.

**CẢNH BÁO NGƯỜI TIÊU DÙNG TRƯỚC CÁC HÀNH VI GIAN LẬN
TRONG KINH DOANH KHÍ GAS**

Trong thời gian gần đây, trước diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - chính trị thế giới, đặc biệt là những biến động tại khu vực Trung Đông, giá khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trên thị trường quốc tế liên tục tăng cao, kéo theo giá gas trong nước biến động mạnh. Thực tế này không chỉ gây áp lực lên chi phí sinh hoạt của người dân mà còn làm phát sinh nhiều hành vi gian lận trong kinh doanh gas, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và an toàn của người tiêu dùng.

Theo ghi nhận, từ đầu tháng 3 năm 2026, giá gas bán lẻ trong nước đã tăng liên tiếp, có thời điểm tăng khoảng 100.000 đồng/bình 12kg trong thời gian ngắn, đẩy giá bán lên trên 500.000 đồng/bình. Theo Công ty cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam (PV GAS LPG Miền Nam), từ 01 tháng 4 năm 2026, giá gas tiếp tục được điều chỉnh tăng mạnh, đưa mỗi bình 12 kg lên 660.081 đồng, tương đương tăng 7.917 đồng một kg (đã bao gồm VAT), tức khoảng 95.000 đồng một bình so với kỳ trước. Diễn biến này cũng được các doanh nghiệp khác đồng loạt áp dụng. Saigon Petro nâng giá gas thêm cùng mức 7.917 đồng một kg, đưa giá bán lẻ bình 12 kg lên khoảng 654.500 đồng. Trong khi đó, Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam (VT GAS) cho biết đây đã là lần điều chỉnh thứ 4 kể từ đầu tháng 3, với mặt bằng giá phổ biến hiện quanh 639.000 đồng một bình 12 kg. Tính chung, chỉ trong hơn một tháng, giá gas loại 12 kg đã tăng 190.000-230.000 đồng một bình, tùy doanh nghiệp. Trước nguy cơ thiếu hụt nguồn cung, một số đơn vị đã triển khai giải pháp chiết nạp gas với khối lượng thấp hơn (6kg hoặc 8kg) vào bình 12kg nhằm phân bổ nguồn hàng.

Tuy nhiên, lợi dụng tình hình này, một số cơ sở kinh doanh thiếu minh bạch đã có hành vi gian lận, như cung cấp bình gas chỉ chứa 8kg nhưng lại tính tiền tương đương bình 12kg. Thực trạng này gây thiệt hại đáng kể cho người tiêu dùng, nhất là trong bối cảnh giá gas đang ở mức cao.

Mặc dù các doanh nghiệp uy tín khi cung cấp bình gas 8kg trong vỏ bình 12kg đều có dán tem, nhãn nhận diện rõ ràng, song một số đại lý nhỏ lẻ đã cố tình không công khai thông tin hoặc gây nhầm lẫn cho người mua. Việc thiếu thông tin và chủ quan của người tiêu dùng đã tạo điều kiện cho các hành vi trục lợi diễn ra.



Ảnh minh họa

Bên cạnh thiệt hại về kinh tế, việc sử dụng gas không rõ nguồn gốc, sang chiết trái phép hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, cháy nổ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng và tài sản của người dân.

Để bảo vệ quyền lợi của mình, người tiêu dùng cần nâng cao cảnh giác khi mua và sử dụng gas, cụ thể:

- Kiểm tra kỹ tem nhãn, khối lượng tịnh và thương hiệu trên bình gas;
- Có thể cân trực tiếp bình gas để đối chiếu trọng lượng thực tế;
- Lựa chọn mua gas tại các đại lý uy tín, có hợp đồng phân phối rõ ràng;
- Yêu cầu cung cấp hóa đơn, chứng từ và lưu giữ để làm căn cứ khi cần khiếu nại.

Về phía cơ quan quản lý nhà nước, đã có yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh gas phải thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch thông tin về khối lượng và giá bán sản phẩm. Tuy nhiên, để kiểm soát toàn diện thị trường, rất cần sự phối hợp và chủ động từ phía người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng cần tuân thủ nghiêm QCVN 02:2020/BCT do Bộ Công Thương ban hành về an toàn bồn chứa LPG. Quy chuẩn này quy định cụ thể các yêu cầu về thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành, kiểm định và bảo trì bồn chứa nhằm đảm bảo an toàn, phòng ngừa rủi ro cháy nổ.

Việc tuân thủ đầy đủ các quy định kỹ thuật không chỉ góp phần đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh mà còn bảo vệ sức khỏe, tính mạng và tài sản của cộng đồng.

Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, mỗi người dân cần trở thành người tiêu dùng thông thái, chủ động kiểm tra, giám sát và lựa chọn sản phẩm, dịch vụ uy tín. Qua đó góp phần xây dựng thị trường gas minh bạch, lành mạnh và đảm bảo quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Ngô Văn Nhung - Phòng Hành chính và TBT

MỸ PHẨM HANDMADE PHÁT TRIỂN MẠNH: CẦN NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ TIÊU CHUẨN VÀ AN TOÀN CHẤT LƯỢNG

Trong những năm gần đây, thị trường mỹ phẩm handmade phát triển nhanh chóng và trở thành xu hướng được nhiều người tiêu dùng quan tâm, đặc biệt trên các nền tảng mạng xã hội và thương mại điện tử. Các sản phẩm như sữa rửa mặt, toner, son môi, kem dưỡng hay mặt nạ thiên nhiên... được quảng bá rộng rãi với những thông điệp như “100% thiên nhiên”, “lành tính”, “không hóa chất”, thu hút đông đảo người tiêu dùng, nhất là giới trẻ.

Xu hướng sử dụng mỹ phẩm handmade phản ánh nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm mang tính cá nhân hóa và có nguồn gốc tự nhiên. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển sôi động của thị trường này cũng đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn chất lượng, an toàn sản phẩm và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm.

“Handmade” không đồng nghĩa với miễn trừ tiêu chuẩn chất lượng

Theo quy định hiện hành, mọi sản phẩm mỹ phẩm lưu thông trên thị trường Việt Nam, bao gồm cả sản phẩm sản xuất công nghiệp và thủ công (handmade), đều phải thực hiện công bố sản phẩm tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa ra kinh doanh.

Điều đó có nghĩa, sản phẩm gắn nhãn “handmade”, “tự nhiên” hay “tự làm” vẫn phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng, ghi nhãn, nguồn gốc thành phần và an toàn cho người sử dụng theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy không ít sản phẩm mỹ phẩm handmade được kinh doanh trên mạng xã hội chưa thực hiện đầy đủ thủ tục công bố sản phẩm, thiếu thông tin về thành phần, điều kiện sản xuất hoặc quy trình bảo quản. Một số trường hợp còn quảng cáo quá mức công dụng, gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng.



Ảnh minh họa

Tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho người sử dụng

Nhiều người tiêu dùng có xu hướng cho rằng mỹ phẩm handmade luôn an toàn hơn sản phẩm công nghiệp do được quảng bá là “thiên nhiên” hoặc “không chứa chất bảo quản”. Tuy nhiên, theo khuyến cáo của các chuyên gia da liễu, mỹ phẩm tự pha chế nếu không được kiểm soát chặt chẽ về nguyên liệu, nồng độ thành phần, điều kiện vệ sinh và bảo quản có thể gây kích ứng, dị ứng hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe làn da.

Đặc biệt, trong môi trường kinh doanh trực tuyến hiện nay, hoạt động mua bán mỹ phẩm handmade diễn ra phổ biến qua livestream, trang cá nhân hoặc các sàn thương mại điện tử, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng.

Bên cạnh đó, ranh giới giữa việc “làm để sử dụng cá nhân” và “sản xuất để kinh doanh” ngày càng trở nên mờ nhạt. Nhiều cá nhân ban đầu chỉ chia sẻ công thức làm đẹp, sau đó mở rộng quy mô bán hàng nhưng chưa đáp ứng các điều kiện cần thiết về vệ sinh, quản lý chất lượng và công bố sản phẩm theo quy định.



Ảnh minh họa

Người tiêu dùng cần lựa chọn sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng

Sự đa dạng của thị trường mỹ phẩm handmade mang lại nhiều lựa chọn cho người tiêu dùng, song cũng tạo nên “ma trận” khó phân biệt giữa sản phẩm bảo đảm chất lượng và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro.

Các chuyên gia khuyến cáo người tiêu dùng cần ưu tiên lựa chọn mỹ phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đầy đủ thông tin về thành phần, đơn vị chịu trách nhiệm sản phẩm và đã được công bố theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, cần thận trọng trước các quảng cáo “thần tốc”, “an toàn tuyệt đối” hoặc “phù hợp mọi loại da” trên mạng xã hội.

Chung tay xây dựng thị trường mỹ phẩm an toàn, minh bạch

Sự phát triển của mỹ phẩm handmade là xu hướng tất yếu trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng xanh, tự nhiên ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, để thị trường phát triển bền vững, cần có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý, cơ sở sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng trong việc nâng cao nhận thức, tuân thủ quy định pháp luật và bảo đảm chất lượng sản phẩm.

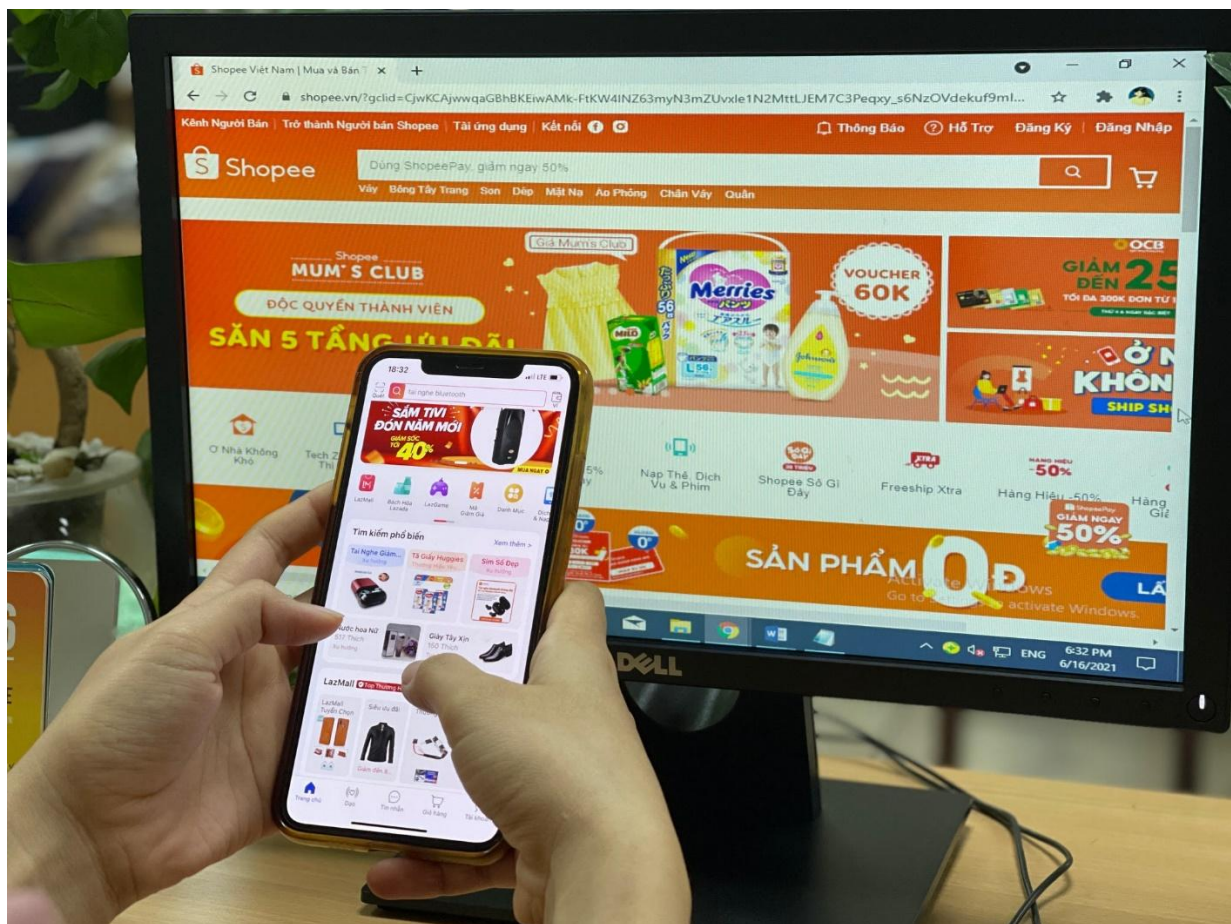
Khi một sản phẩm được đưa ra thị trường, dù dưới hình thức “handmade” hay sản xuất công nghiệp, yếu tố tiên quyết vẫn là tính an toàn, minh bạch và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng. Đây cũng là cơ sở quan trọng để bảo vệ quyền lợi, sức khỏe người tiêu dùng và xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh.

Ngô Văn Nhung - Phòng Hành chính và TBT

NGUY CƠ HÀNG HÓA KÉM CHẤT LƯỢNG TRÊN SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử trong những năm gần đây đang làm thay đổi đáng kể thói quen mua sắm của người tiêu dùng. Chỉ với vài thao tác trên điện thoại hoặc máy tính, người dân có thể dễ dàng lựa chọn và đặt mua hầu hết các loại hàng hóa mà không cần đến trực tiếp cửa hàng. Tuy nhiên, cùng với sự tiện lợi đó là những nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến chất lượng hàng hóa lưu thông trên môi trường số.

Hiện nay, các sàn thương mại điện tử cho phép cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp dễ dàng mở gian hàng trực tuyến trong thời gian ngắn. Điều này góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế số, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều khó khăn trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm.



Người tiêu dùng mua sắm qua sàn thương mại điện tử, trong khi việc kiểm chứng nguồn gốc và tiêu chuẩn sản phẩm vẫn còn nhiều khó khăn (Ảnh minh họa)

Trên thực tế, cùng một mặt hàng có thể xuất hiện ở nhiều gian hàng khác nhau với mức giá, thông tin và nguồn gốc không đồng nhất. Điều này khiến người tiêu dùng gặp khó khăn trong việc nhận biết hàng chính hãng, hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng và hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ.

Theo quy định của pháp luật, hàng hóa lưu thông trên thị trường, bao gồm cả hàng hóa kinh doanh trên thương mại điện tử, vẫn phải đáp ứng các yêu cầu về ghi nhãn, công bố chất lượng, an toàn sản phẩm và nguồn gốc xuất xứ theo từng nhóm hàng hóa. Tuy nhiên, việc kiểm

tra, giám sát trên môi trường trực tuyến hiện vẫn còn nhiều thách thức do số lượng sản phẩm lớn, tốc độ giao dịch nhanh và mô hình kinh doanh ngày càng đa dạng.

Một số nền tảng thương mại điện tử đã triển khai các biện pháp kiểm soát như xác minh người bán, yêu cầu cung cấp giấy tờ pháp lý hoặc gắn nhãn “chính hãng”. Dù vậy, vẫn tồn tại không ít trường hợp hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái hoặc quảng cáo sai sự thật xuất hiện trên các nền tảng này.

Bên cạnh đó, nhiều người tiêu dùng hiện vẫn có xu hướng ưu tiên giá rẻ, khuyến mãi hoặc lượt đánh giá cao mà chưa thực sự quan tâm đến thông tin về tiêu chuẩn, chứng nhận chất lượng hay nguồn gốc sản phẩm. Trong khi đó, một số đánh giá, lượt mua hoặc xếp hạng gian hàng trên môi trường mạng có thể bị lợi dụng để tạo hiệu ứng “ảo”, gây hiểu nhầm cho người mua.

Để góp phần xây dựng môi trường thương mại điện tử minh bạch, an toàn và bền vững, người tiêu dùng cần nâng cao cảnh giác khi mua sắm trực tuyến; ưu tiên lựa chọn các gian hàng uy tín, kiểm tra kỹ thông tin sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ, nhãn hàng hóa và các chứng nhận liên quan trước khi quyết định mua hàng.

Cùng với đó, các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên sàn thương mại điện tử cần thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hóa; minh bạch thông tin sản phẩm và chịu trách nhiệm đối với hàng hóa do mình cung cấp.

Trong bối cảnh thương mại điện tử tiếp tục phát triển mạnh mẽ, việc bảo đảm chất lượng hàng hóa không chỉ là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước hay doanh nghiệp, mà còn cần sự chung tay của các nền tảng thương mại điện tử và người tiêu dùng nhằm xây dựng thị trường số lành mạnh, tạo dựng niềm tin và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân.

Ngô Văn Nhung - Phòng Hành chính và TBT

NGUY CƠ MẤT AN TOÀN TỪ ĐỒ CHƠI TRẺ EM KHÔNG RÕ NGUỒN GỐC

Trong những năm gần đây, thị trường đồ chơi trẻ em ngày càng đa dạng với mẫu mã bắt mắt, màu sắc sinh động và nhiều tính năng hấp dẫn. Tuy nhiên, bên cạnh những sản phẩm bảo đảm chất lượng, vẫn còn không ít loại đồ chơi không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn đối với sức khỏe và sự phát triển của trẻ nhỏ.



Các món đồ chơi có thể tiềm ẩn nguy cơ kích ứng da, mắt đối với trẻ em (Ảnh: Sưu tầm)

Mới đây, một trường hợp trẻ nhỏ phải nhập viện cấp cứu trong tình trạng mắt sưng đỏ, đau rát nghiêm trọng sau khi chơi dung dịch thổi bong bóng đã khiến nhiều phụ huynh lo lắng. Theo các bác sĩ chuyên khoa, nguyên nhân có thể xuất phát từ việc trẻ tiếp xúc trực tiếp với hóa chất có trong sản phẩm đồ chơi không bảo đảm chất lượng. Nếu không được xử lý kịp thời, trẻ có nguy cơ gặp phải các tổn thương về mắt, ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe.

Thực tế cho thấy, nhiều loại đồ chơi quen thuộc như slime, đất nặn hóa học, dung dịch tạo bọt, đồ chơi phát sáng hoặc tạo hiệu ứng màu sắc... có thể chứa các thành phần hóa học như chất bảo quản, hương liệu tổng hợp, phẩm màu hoặc chất hoạt động bề mặt. Trong trường hợp sản phẩm không được sản xuất theo quy chuẩn kỹ thuật, các hóa chất này có thể gây kích ứng da, tổn thương mắt, ảnh hưởng đến hệ hô hấp hoặc gây nguy hiểm nếu trẻ vô tình nuốt phải.

Đáng lo ngại hơn, trẻ nhỏ thường chưa có ý thức đầy đủ trong việc giữ vệ sinh cá nhân khi vui chơi, dễ đưa tay lên mắt, miệng hoặc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất. Vì vậy, những món đồ chơi tưởng chừng vô hại lại có thể trở thành nguy cơ tiềm ẩn đối với sức khỏe của trẻ em nếu không được kiểm soát tốt về chất lượng.

Để bảo vệ quyền lợi và an toàn cho trẻ em, các bậc phụ huynh cần nâng cao cảnh giác khi lựa chọn đồ chơi cho con em mình; ưu tiên sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được chứng nhận hợp quy, có dấu hợp quy “CR” và ghi nhãn đầy đủ theo quy định. Đồng thời, cần hướng dẫn trẻ hình thành thói quen rửa tay sau khi chơi, không dụi mắt khi tay bẩn và sử dụng đồ chơi dưới sự giám sát của người lớn.

Bên cạnh vai trò của phụ huynh, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đồ chơi trẻ em cũng cần nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 3:2019/BKHCN về an toàn đồ chơi trẻ em do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, các sản phẩm đồ chơi trẻ em lưu thông trên thị trường phải được chứng nhận và công bố hợp quy phù hợp với QCVN 3:2019/BKHCN; đồng thời phải gắn dấu hợp quy “CR” và ghi nhãn hàng hóa đầy đủ theo quy định trước khi đưa ra lưu thông.

Các cơ sở kinh doanh cần đặc biệt lưu ý:

- Không kinh doanh các loại đồ chơi trẻ em chưa được công bố hợp quy hoặc không còn phù hợp với quy chuẩn hiện hành;
- Kiểm tra đầy đủ thông tin trên nhãn hàng hóa, dấu hợp quy “CR”, nguồn gốc xuất xứ và hồ sơ chất lượng kèm theo;
- Lưu giữ bản sao Giấy chứng nhận hợp quy của sản phẩm để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết;
- Chỉ kinh doanh các sản phẩm đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng, an toàn theo quy định của pháp luật.

Việc tuân thủ nghiêm các quy định về chất lượng và an toàn đồ chơi trẻ em không chỉ góp phần bảo vệ sức khỏe, sự phát triển toàn diện của trẻ em mà còn nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Mỗi phụ huynh hãy trở thành người tiêu dùng thông thái, mỗi cơ sở kinh doanh hãy nâng cao trách nhiệm trong việc cung cấp sản phẩm an toàn, chất lượng để cùng chung tay xây dựng môi trường vui chơi lành mạnh, an toàn cho trẻ em.

Ngô Văn Nhương - Phòng Hành chính và TBT

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Ngày 05/4/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 86/NQ-CP về Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn để người dân, đặc biệt là người trẻ, mạnh dạn khởi nghiệp, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập.

Theo đó, Nghị quyết 86/NQ-CP đặt ra Mục tiêu: Hình thành và lan tỏa sâu rộng làn sóng khởi nghiệp sáng tạo dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong toàn xã hội. Đưa khởi nghiệp sáng tạo trở thành một động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường năng lực tự chủ quốc gia, phát triển đất nước nhanh và bền vững. Đưa Việt Nam trở thành quốc gia hàng đầu về khởi nghiệp sáng tạo trong khu vực. Đến năm 2030: Chủ thể kinh doanh đạt 05 triệu, trong đó tối thiểu phát triển 10.000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; 100% cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nội dung đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong chương trình đào tạo; 100% thủ tục hành chính thiết yếu về đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên môi trường số; 60% chủ thể kinh doanh sử dụng công cụ, nền tảng số trong kinh doanh; 40% chủ thể kinh doanh sử dụng dịch vụ nền tảng số dùng chung; Hình thành mạng lưới tối thiểu 300 không gian, trung tâm, cụm đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc; Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 quốc gia hàng đầu thế giới; chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo thuộc nhóm 45 quốc gia hàng đầu thế giới. Tối thiểu hình thành 05 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được định giá từ 01 tỷ USD trở lên. Quy mô thị trường vốn đầu tư mạo hiểm đạt 1,5 tỷ USD. Tầm nhìn đến năm 2045: Phần đầu đạt tỷ lệ 10 người dân có một người khởi nghiệp, 35 người dân có một doanh nghiệp, và khoảng 5000 người dân có một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Việt Nam thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu toàn cầu về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; tối thiểu có 100 doanh nghiệp khởi nghiệp được định giá từ 100 triệu USD trở lên; thị trường vốn đầu tư mạo hiểm đạt quy mô 10 tỷ USD.

Nghị quyết 86/NQ-CP cũng đặt ra các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Truyền thông, nâng cao nhận thức, lan tỏa văn hóa khởi nghiệp sáng tạo

a) Tổ chức quán triệt, học tập, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể về vai trò của khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong toàn thể đảng viên, quần chúng nhân dân;

b) Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số và mạng xã hội nhằm thay đổi nhận thức về khởi nghiệp từ “rủi ro” sang “cơ hội”; lan tỏa tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chấp nhận rủi ro, khoan dung với thất bại; khuyến khích khởi nghiệp để làm giàu chính đáng cho bản thân và đóng góp cho đất nước; hình thành văn hóa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo toàn dân, xây dựng một xã hội mà khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới sáng tạo là lựa chọn được tôn trọng và hỗ trợ.

c) Định kỳ tổng kết, động viên, khen thưởng, tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng ý tưởng, sáng kiến, điển hình khởi nghiệp thành công, mô hình đổi mới sáng tạo có hiệu quả;

d) Lồng ghép nội dung khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào chương trình hành động, nghị quyết chuyên đề, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương; tích hợp trong chương trình giáo dục từ phổ thông tới sau đại học và trong các hợp tác song phương, đa phương, hợp tác chiến lược với các quốc gia;

đ) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp bao trùm, khuyến khích mọi thành phần trong xã hội như học sinh, sinh viên, phụ nữ, thanh niên, nông dân, người cao tuổi... khai thác lợi thế địa phương, tài nguyên bản địa, bản sắc riêng để khởi nghiệp.

2. Phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất dùng chung hỗ trợ khởi nghiệp dựa trên công nghệ mới, công nghệ số, đổi mới sáng tạo

a) Ban hành cơ chế thí điểm để doanh nghiệp nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục công lập, cơ sở nghiên cứu công lập, cơ sở y tế công lập được khai thác, sử dụng không gian, cơ sở hạ tầng, tài sản công sẵn có hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo;

b) Hình thành các không gian khởi nghiệp sáng tạo cộng đồng phù hợp với từng địa phương để hỗ trợ khởi nghiệp, trưng bày, triển lãm, trình diễn sản phẩm khởi nghiệp của địa phương, tổ chức sự kiện kết nối, gọi vốn, đầu tư, hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại địa phương;

c) Các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn hình thành trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, trên địa bàn quản lý; Nhà nước tập trung đầu tư trọng điểm cho các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp quốc gia tại ít nhất 06 thành phố;

d) Lựa chọn, đầu tư phát triển một số cụm đổi mới sáng tạo quốc gia, địa phương xung quanh các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung trong một số ngành, lĩnh vực đặc thù.

đ) Thí điểm đầu tư và vận hành mô hình khu thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ, công nghệ mới, ưu tiên trong một số lĩnh vực tiềm năng, bao gồm tài sản mã hóa, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tài chính, logistics và các lĩnh vực khác để thu hút tài năng khởi nghiệp và nguồn vốn đầu tư mạo hiểm quốc tế.

3. Hoàn thiện khung khổ pháp lý để thành lập, phát triển các mô hình doanh nghiệp mới, khuyến khích khởi nghiệp trong toàn dân

a) Hoàn thiện hành lang pháp lý để toàn bộ thủ tục hành chính đối với đăng ký, thành lập, hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện trên môi trường số, không phân biệt địa điểm vật lý. Đề xuất chính sách thí điểm trong hình thành, quản lý, phát triển mô hình “doanh nghiệp một người”, bao gồm thủ tục đăng ký toàn trình đơn giản trên môi trường số, không yêu cầu địa chỉ vật lý trong đăng ký kinh doanh, miễn kiểm toán trong 03 năm đầu hoạt động và các chính sách khác;

b) Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý cho khởi nghiệp sáng tạo, trong đó:

- Thí điểm cơ chế xử lý phá sản, xử lý nợ xấu theo thủ tục rút gọn, đặc thù dành riêng cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để khuyến khích tái khởi nghiệp;

- Hoàn thiện cơ chế chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thuận lợi, minh bạch, liên thông các cấp thị trường vốn từ gọi vốn khởi nghiệp đến vốn cổ phần tư nhân và thị trường chứng khoán; thúc đẩy phát triển các sản phẩm tài chính mới như chứng khoán hóa, bảo lãnh, thế chấp tài sản vô hình, tài sản trí tuệ;

- Thí điểm hình thành sàn giao dịch cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

4. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- a) Mở rộng thêm nội dung đào tạo về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong đào tạo đại học, sau đại học. Xây dựng hệ thống đào tạo chuyên sâu về STEM, STEAM, khởi nghiệp, quản lý công nghệ từ phổ thông đến đại học và sau đại học;
- b) Phát triển một số cơ sở giáo dục đại học theo mô hình “đại học khởi nghiệp”, “đại học đổi mới sáng tạo”; xây dựng chương trình đào tạo 1000 doanh nhân công nghệ xuất sắc trong một số cơ sở giáo dục đại học; thí điểm lựa chọn một số cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm theo mô hình doanh nghiệp;
- c) Xây dựng và ban hành bộ tài liệu chuẩn, khung kỹ năng, nền tảng học tập trực tuyến về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo theo vùng, tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước tại địa phương về khởi nghiệp sáng tạo.
5. Hỗ trợ khởi nghiệp dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- a) Hỗ trợ cơ sở vật chất, kỹ thuật, pháp lý, tài chính
- Đầu tư phát triển một số trợ lý ảo về pháp lý, tài chính và các lĩnh vực khác cho khởi nghiệp để sử dụng tại các đơn vị hành chính cấp xã; xây dựng phát triển nền tảng số thương mại hóa các ý tưởng, dự án, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ tư vấn chuyên sâu về khởi nghiệp sáng tạo;
 - Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong 05 năm đầu: được hỗ trợ 100% chi phí đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, chi phí đăng ký chất lượng sản phẩm; được hỗ trợ chi phí nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm sản phẩm, kiểm định công nghệ, tư vấn pháp lý, bảo hiểm rủi ro khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ chi phí sử dụng không gian làm việc chung, cơ sở vật chất kỹ thuật dùng chung, chi phí tham gia các khóa đào tạo, ươm tạo, tăng tốc trong nước, nước ngoài; hỗ trợ chi phí trả tiền công, tiền lương cho chuyên gia công nghệ trong nước, nước ngoài;
 - Khuyến khích các địa phương sử dụng kinh phí mua sắm công từ nguồn ngân sách địa phương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để ưu tiên đặt hàng, mua, sử dụng sản phẩm, dịch vụ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hằng năm, mỗi địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên địa bàn đưa ra ít nhất một đề bài cho khởi nghiệp sáng tạo giải quyết và cùng tài trợ, đồng hành, sử dụng giải pháp, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo.
- b) Hỗ trợ ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo, tạo đột phá trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế
- Đầu tư xây dựng các vườn ươm công nghệ sâu tại một số cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu có tiềm lực khoa học và công nghệ mạnh; đầu tư và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nền tảng, dẫn dắt trong nền kinh tế số, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, thương mại điện tử, công nghệ tài chính; thúc đẩy, ưu tiên hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, từ khu vực trường đại học, viện nghiên cứu;
 - Hỗ trợ, ươm tạo, tăng tốc phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiêu biểu, tiên phong thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực kinh tế quan trọng như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dữ liệu, kinh tế tuần hoàn, kinh tế dựa trên công nghệ lưỡng dụng; có các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo kết hợp nguồn lực, kết quả nghiên cứu quốc phòng, an ninh với ứng dụng dân sự trong các ngành công nghiệp mới; ưu tiên phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tạo tác động xã hội.
- c) Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

- Xây dựng, triển khai Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia đến năm 2035, Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo đề tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ, đầu tư trực tiếp cho ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các tổ chức hỗ trợ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

- Hỗ trợ, phát triển các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo tại trung ương, địa phương; hỗ trợ viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ, quỹ đầu tư, tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo tham gia, khai thác, phát triển mạng lưới, hạ tầng và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong nước, quốc tế; cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội chủ động xác định, công bố các bài toán lớn và ưu tiên thử nghiệm, sử dụng, tiếp nhận giải pháp, công nghệ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

- Tổ chức các sự kiện kết nối khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại địa phương, vùng, trong ngành, lĩnh vực, quốc gia, quốc tế hằng năm; tích cực tham gia, chủ trì các diễn đàn, chương trình hợp tác khu vực và quốc tế về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đăng cai tổ chức một số sự kiện, hội nghị quốc tế lớn về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

6. Phát triển thị trường vốn và đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo

a) Vận hành hiệu quả Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, các quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương; thiết lập một số quỹ đồng đầu tư mạo hiểm quốc tế với nhà đầu tư nước ngoài; hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm của doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đào tạo;

b) Thí điểm cơ chế bảo lãnh tín dụng và cho vay vốn đặc thù đối với dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên công nghệ, tài sản vô hình, tài sản trí tuệ, hợp đồng đặt hàng và các loại tài sản khác;

c) Phát triển đa dạng các kênh đầu tư vốn cổ phần tư nhân, nền tảng gọi vốn cộng đồng, sàn giao dịch vốn cho khởi nghiệp sáng tạo; vận hành sàn giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

7. Đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế thu hút nguồn lực, phát triển nội lực khởi nghiệp sáng tạo quốc gia

a) Thúc đẩy đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận song phương và đa phương về khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; hợp tác với quỹ đầu tư mạo hiểm quốc tế để thu hút đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo trong nước; hợp tác với ít nhất 05 đối tác quốc tế có uy tín để tổ chức các chương trình ươm tạo, tăng tốc đạt chuẩn quốc tế tại Việt Nam;

b) Kết nối, mở rộng mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam tại nước ngoài; xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, thiết lập kênh kết nối cho khởi nghiệp sáng tạo tại các thị trường trọng điểm, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nước ngoài tiếp cận, hoạt động tại thị trường Việt Nam;

c) Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ ra thị trường quốc tế, ưu tiên sử dụng nền tảng số; nghiên cứu thiết lập, vận hành các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam tại một số thị trường trọng điểm quốc tế theo mô hình hợp tác công tư.

8. Phát triển hạ tầng, công cụ, thể chế hướng tới phát triển quốc gia số dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Nhà nước đầu tư phát triển hệ thống nền tảng số định giá tài sản trí tuệ, dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo làm cơ sở tham khảo cho việc góp vốn, đầu tư mạo hiểm; đầu tư phát triển hạ tầng số dùng chung, công cụ số, trợ lý trí tuệ nhân tạo cho tổ chức, cá nhân;

b) Chính quyền địa phương hợp tác, cùng đầu tư với tổ chức, doanh nghiệp phát triển các nền tảng số cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh như kế toán, thuế, quản lý tài chính, quản trị nhân sự... trên môi trường số;

c) Thí điểm chính sách thị thực khởi nghiệp số thu hút nhân lực công nghệ số tới làm việc ở Việt Nam; thí điểm chính sách miễn thị thực và nhập cảnh nhiều lần đối với các chuyên gia, cố vấn do các Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia mời về làm việc, hỗ trợ đào tạo, tư vấn và dự các hội nghị, hội thảo quốc tế; thí điểm chính sách miễn thủ tục xin giấy phép lao động đối với chuyên gia hỗ trợ, cố vấn khởi nghiệp sáng tạo nước ngoài tới làm việc tại trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam.

Kinh phí thực hiện Chiến lược bao gồm: Nguồn ngân sách nhà nước thường xuyên thực hiện chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương; nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động từ xã hội, cộng đồng; Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Các Bộ, ngành, địa phương lập dự toán ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tổng hợp trong lĩnh vực này, gửi cơ quan khoa học và công nghệ cùng cấp để có căn cứ bố trí dự toán theo quy định.

Nghị quyết 86/NQ-CP được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội thiết thực, giúp khởi nghiệp sáng tạo không còn xa vời mà trở thành con đường phát triển gần gũi, khả thi đối với mỗi người dân.

Trịnh Đình Thế - Chỉ cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN, CÔNG BỐ HỢP QUY VÀ PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Ngày 09/4/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực từ ngày 25/05/2026.

Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý có liên quan đến hoạt động đánh giá sự phù hợp, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy. Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN bao gồm:

Quy định chung (Chương I): Xác định phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng. Quy định về Dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy. Quy định 8 phương thức chứng nhận: Phương thức 1: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa; Phương thức 2: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường; Phương thức 3: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát lấy tại nơi sản xuất; Phương thức 4: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất. Mẫu thử nghiệm trong giám sát lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường; Phương thức 5: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Mẫu thử nghiệm trong giám sát có thể lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường; Phương thức 6: Chứng nhận thông qua đánh giá và giám sát hệ thống quản lý; Phương thức 7: Chứng nhận thông qua thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa; Phương thức 8: Chứng nhận thông qua thử nghiệm hoặc giám định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa và nguyên tắc áp dụng phương thức chứng nhận.

Công bố hợp chuẩn (Chương II): Quy định nguyên tắc công bố hợp chuẩn: Đối tượng của công bố hợp chuẩn là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội được quy định trong tiêu chuẩn tương ứng. Công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện. Việc công bố phù hợp tiêu chuẩn tương ứng dựa trên: Kết quả chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được công nhận thực hiện hoặc; Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn. Việc thử nghiệm phục vụ đánh giá hợp chuẩn phải được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoặc được công nhận. quy định đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn và trình tự công bố hợp chuẩn: Việc công bố hợp chuẩn được thực hiện theo 2 bước. Đồng thời, quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

Công bố hợp quy (Chương III): Quy định nguyên tắc công bố hợp quy: *Đối tượng của công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành hoặc được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành. Công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc; Căn cứ mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt*

động kinh tế - xã hội, việc công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên: Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật; Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được công nhận theo quy định của pháp luật; Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật; Kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài được thừa nhận theo quy định. Sản phẩm, hàng hoá được miễn công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì tuân thủ yêu cầu về quản lý chất lượng, an toàn theo quy định pháp luật chuyên ngành. Quy định đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật; Trình tự công bố hợp quy và Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

Tổ chức thực hiện (Chương IV): Quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ:

Giúp Chính phủ thống nhất quản lý và hướng dẫn chung hoạt động đánh giá sự phù hợp, công bố hợp chuẩn và công bố hợp quy; Phối hợp, hướng dẫn các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa và biện pháp quản lý phù hợp trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành, theo nguyên tắc công bố hợp quy quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Chỉ định cơ quan tiếp nhận bản đăng ký công bố hợp quy để quản lý hoạt động công bố hợp quy trong lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công; Phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc đôn đốc, hướng dẫn thực hiện việc công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư này; Thực hiện việc theo dõi tình hình công bố hợp chuẩn và công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; theo dõi việc chỉ định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về hoạt động đánh giá sự phù hợp, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy; Thực hiện điều phối, chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo, kiểm tra, thanh tra. Trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố: Tổ chức hoạt động công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư này khi ban hành các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng để quản lý; Chỉ định các cơ quan tiếp nhận bản đăng ký công bố hợp quy để quản lý hoạt động công bố hợp quy trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng được phân công; Phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa và biện pháp quản lý phù hợp trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành, theo nguyên tắc công bố hợp quy quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Thực hiện việc quản lý, theo dõi hoạt động đăng ký công bố hợp quy của các cơ quan được Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ định trong lĩnh vực được phân công; Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác quản lý hoạt động công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy tại Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Các Thông tư sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN có hiệu lực, gồm: Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2013; Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-

BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2017; Bãi bỏ khoản 8 Điều 3, khoản 4 Điều 19 Thông tư số 06/2020/TTBKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ; Bãi bỏ Điều 15, Điều 30 Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Thông tư số 04/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Thông tư này cũng quy định điều khoản chuyển tiếp: Tổ chức, cá nhân đã thực hiện đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy trước ngày Thông tư này có hiệu lực, tiếp tục được sử dụng giấy chứng nhận hợp chuẩn, giấy chứng nhận hợp quy, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy đến hết thời hạn hiệu lực và không phải thực hiện thông báo lại bản thông báo công bố hợp chuẩn, đăng ký lại bản công bố hợp quy.

Trịnh Đình Thử - Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VIỆC KÝ KẾT, THỰC HIỆN CÁC HIỆP ĐỊNH, THỎA THUẬN THỪA NHẬN LẦN NHAU, THỪA NHẬN ĐƠN PHƯƠNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

Ngày 09/04/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 16/2026/TT-BKHCN quy định chi tiết việc ký kết, thực hiện các hiệp định, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp.

Thông tư này quy định việc ký kết và thực hiện đối với: Các Hiệp định thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp giữa Việt Nam với một hoặc nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên cơ sở quy định của pháp luật về điều ước quốc tế; Các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp giữa tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam với tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc tế, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ được ký kết, thực hiện trên cơ sở pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, thông lệ quốc tế. Thông tư này áp dụng đối với: Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam liên quan đến việc ký kết và thực hiện các Hiệp định thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương; Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam liên quan đến việc ký kết và thực hiện các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương.

Thông tư số 16/2026/TT-BKHCN quy định ký kết hiệp định thừa nhận gồm: Đề xuất ký kết; Chuẩn bị và tiến hành ký kết; Triển khai thực hiện. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định thừa nhận gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Nội dung công việc cần triển khai, thực hiện; Đầu tư, nâng cấp năng lực hạ tầng kỹ thuật; Đào tạo nhân lực; Cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp thực hiện; Thời gian, tiến độ thực hiện; Kết quả, mục tiêu cần đạt; Các nội dung khác theo quy định của Hiệp định thừa nhận. Đồng thời quy định thực hiện hiệp định thừa nhận như sau: *Cơ quan đề xuất Hiệp định thừa nhận có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác có liên quan trong việc thực hiện Hiệp định thừa nhận; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể đã được phân công trong kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định thừa nhận; Cơ quan đề xuất Hiệp định thừa nhận chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được phân công tham gia thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể trong khuôn khổ kế hoạch triển khai thực hiện Hiệp định thừa nhận.*

Thông tư này quy định nguyên tắc, thẩm quyền ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp: *Thỏa thuận thừa nhận được ký kết trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp; bảo đảm khách quan, minh bạch, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá sự phù hợp, tạo thuận lợi thương mại và bảo đảm lợi ích quốc gia; Tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam được ký kết thỏa thuận thừa nhận trong phạm vi lĩnh vực hoạt động đã được công nhận, chỉ định hoặc đăng ký; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận đã ký kết.* Ký kết, thực hiện thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp bao gồm: Thỏa thuận thừa nhận cấp Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Thỏa thuận thừa nhận cấp tổ chức kỹ thuật.

Bên cạnh đó, Thông tư nêu trên quy định *Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực xem xét quyết định việc thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc tế, nước ngoài thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công.* Việc thừa

nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau: Bảo đảm khách quan, minh bạch, không phân biệt đối xử; Phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế; Bảo đảm mức độ tin cậy và tương đương về năng lực kỹ thuật của tổ chức đánh giá sự phù hợp. Các tiêu chí khi xem xét thừa nhận đơn phương gồm: Chứng chỉ công nhận và phạm vi công nhận còn hiệu lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được công nhận bởi tổ chức công nhận là thành viên ký thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức hợp tác công nhận quốc tế hoặc khu vực (Tổ chức hợp tác Công nhận Toàn cầu - GACI), Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương - APAC) hoặc tổ chức quốc tế, khu vực tương ứng trong lĩnh vực đặc thù; Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong hoạt động đánh giá sự phù hợp; Năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm hoạt động và mức độ tin cậy của tổ chức đánh giá sự phù hợp; Các yếu tố kỹ thuật khác có liên quan.

Thông tư số 16/2026/TT-BKHCHN có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành. Thông tư số 27/2007/TT-BKHCHN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn ký kết và thực hiện các hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp, hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết trước thời điểm ban hành Thông tư này, tiếp tục thực hiện đến hết thời hiệu (nếu có) quy định trong hiệp định, thỏa thuận liên quan hoặc đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Trịnh Đình Thử - Chủ tịch Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM HALAL

Ngày 06/4/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 127/2026/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal.



Tiêu chuẩn về thực phẩm Halal (Ảnh: Minh họa)

Nghị định số 127/2026/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng và các chính sách hỗ trợ, phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal bao gồm: quy định về yêu cầu chất lượng, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, hoạt động thử nghiệm, chứng nhận Halal, kiểm tra, xử lý vi phạm quản lý chất lượng và chính sách hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ Halal.

Nghị định nêu trên áp dụng đối với: Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal để lưu thông trên thị trường Việt Nam; Tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal; Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal. Nghị định số 127/2026/NĐ-CP không áp dụng đối với các sản phẩm được sản xuất nhằm phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal

Nghị định nêu rõ, việc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư và các lĩnh vực có liên quan; đồng thời tuân thủ các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Việc quản lý phải bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và không phân biệt đối xử trong mọi hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động đánh giá sự phù hợp Halal. Trong đó, tính thống nhất được thể hiện qua việc áp dụng đồng bộ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình và yêu cầu Halal trên phạm vi toàn quốc; tính minh bạch được bảo đảm thông qua việc công khai,

để tiếp cận các thông tin về chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy trình chứng nhận, danh sách các tổ chức chứng nhận Halal được công nhận hoặc thừa nhận và các thông tin liên quan.

Để tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế, việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình quản lý Halal của Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc hài hòa, ưu tiên tham chiếu và áp dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn và thông lệ quốc tế được thừa nhận rộng rãi về Halal, bao gồm tiêu chuẩn của Tổ chức Hợp tác Hồi giáo, Viện Tiêu chuẩn và Đo lường các quốc gia Hồi giáo và các hướng dẫn của Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế có liên quan đến thực phẩm Halal, cùng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường xuất khẩu.

Nghị định yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, đặc biệt là người tiêu dùng Hồi giáo, đối với các sản phẩm, dịch vụ Halal; đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ Halal tuân thủ pháp luật. Các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng mang dấu hiệu Halal, gian lận thương mại, quảng cáo sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về tính Halal của sản phẩm, dịch vụ phải được ngăn chặn và xử lý nghiêm.

Bên cạnh đó, Nghị định khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ Halal; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Halal Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Việc quản lý chất lượng được thực hiện trên cơ sở đánh giá rủi ro, ưu tiên tập trung nguồn lực kiểm soát vào các công đoạn, quy trình, thành phần hoặc yếu tố có nguy cơ cao ảnh hưởng đến tính Halal, an toàn và chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Đồng thời, bảo đảm tính nguyên vẹn, tính xác thực và khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm Halal trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khâu nguyên liệu đầu vào, sản xuất, chế biến, đóng gói đến vận chuyển, bảo quản, phân phối và cung cấp đến người tiêu dùng.

Tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal

Theo Nghị định, tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal được xây dựng, công bố và áp dụng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Quá trình xây dựng, sửa đổi tiêu chuẩn phải bảo đảm có sự tham gia của đại diện Bộ Dân tộc và Tôn giáo và chuyên gia là người Hồi giáo có chuyên môn về các yêu cầu Halal trong quá trình tham vấn, thẩm định.

Việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài về sản phẩm, dịch vụ Halal thực hiện như sau:

Trường hợp sản xuất sản phẩm, dịch vụ Halal để xuất khẩu: Cơ sở sản xuất áp dụng tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal theo yêu cầu, thỏa thuận hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

Trường hợp sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ Halal để tiêu thụ trong nước: Cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước Hồi giáo về sản phẩm, dịch vụ Halal.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được khuyến khích xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm, dịch vụ Halal của mình đối với các sản phẩm, dịch vụ chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước

Hồi giáo tương ứng. Tiêu chuẩn cơ sở phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và yêu cầu chung của các tiêu chuẩn Halal quốc tế, khu vực được thừa nhận rộng rãi.

Công bố tiêu chuẩn áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm Halal hoặc cung cấp dịch vụ Halal thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ của mình trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường Việt Nam. Việc công bố phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định tại Nghị định này.

Trường hợp lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, hoặc tiêu chuẩn quốc gia của các nước Hồi giáo về sản phẩm, dịch vụ Halal, tổ chức, cá nhân phải đảm bảo tiêu chuẩn đó không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa, bảo vệ môi trường và các yêu cầu pháp lý bắt buộc khác. Đồng thời, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm: Lưu giữ bản chính hoặc bản sao hợp lệ của tiêu chuẩn đã công bố áp dụng tại nơi sản xuất, kinh doanh; Cung cấp đầy đủ hồ sơ về tiêu chuẩn áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu thanh tra, kiểm tra. Trường hợp tiêu chuẩn gốc không được ban hành bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, tổ chức, cá nhân cung cấp bản dịch tiếng Việt có công chứng hoặc xác nhận hợp pháp khi cơ quan thanh tra, kiểm tra có yêu cầu bằng văn bản.

Tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn áp dụng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung công bố và phải bảo đảm rằng sản phẩm, dịch vụ Halal của mình luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn đã công bố trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh, phân phối.

Yêu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ Halal

Nghị định quy định, sản phẩm Halal lưu thông trên thị trường Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn công bố áp dụng và tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật có liên quan.

Nguyên liệu và phụ gia phải là Halal, không chứa thành phần Haram hoặc Najis; nguyên liệu có nguồn gốc động vật phải được giết mổ theo đúng quy trình Halal. Quá trình sản xuất, chế biến phải bảo đảm vệ sinh và có biện pháp ngăn ngừa nhiễm chéo với các yếu tố không Halal.

Việc bao gói, bảo quản, vận chuyển và trưng bày sản phẩm phải bảo đảm duy trì tính Halal, không sử dụng vật liệu không phù hợp đối với bao bì trực tiếp và phải tách biệt để tránh nhiễm chéo hoặc nhầm lẫn. Đồng thời, sản phẩm phải tuân thủ quy định về nhãn hàng hóa, sử dụng dấu chứng nhận Halal (nếu có) và quy định về đo lường đối với hàng hóa đóng gói sẵn.

Đối với dịch vụ Halal, phải đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn công bố áp dụng và tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam có liên quan. Sản phẩm Halal khi xuất khẩu ra thị trường nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ quy định của nước nhập khẩu hoặc các thỏa thuận, hợp đồng thương mại quốc tế đã ký kết.

Yêu cầu về ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal

Theo đó, Việc ghi nhãn sản phẩm Halal phải tuân thủ các quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và cụm từ “SẢN PHẨM HALAL” hoặc từ “HALAL” (bằng chữ Latinh in hoa) phải được ghi rõ trên nhãn hàng hóa đảm bảo rõ ràng, dễ nhận biết, ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, không thể tẩy xóa trước khi lưu thông trên thị trường Việt Nam.

Các trường hợp sau đây không bắt buộc phải ghi rõ cụm từ “SẢN PHẨM HALAL” hoặc từ “HALAL” trên nhãn sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này: Sản phẩm sử dụng Dấu chứng nhận Halal được tổ chức chứng nhận Halal cấp Giấy chứng nhận và cấp quyền sử dụng Dấu chứng nhận Halal; Nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm để sản

xuất, gia công, chế biến không bán trực tiếp cho người tiêu dùng. Trong trường hợp này, tình trạng Halal của nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm phải được công bố rõ ràng trong hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hoặc hợp đồng thương mại đi kèm.

Việc sử dụng Dấu chứng nhận Halal của các tổ chức chứng nhận Halal trên nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc trong tài liệu quảng bá, giới thiệu sản phẩm Halal phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của tổ chức chứng nhận Halal sở hữu Dấu chứng nhận Halal.

Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đối với sản phẩm Halal thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện truy xuất nguồn gốc theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Với mục tiêu tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế, việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn và quy trình quản lý Halal của Việt Nam phải được thực hiện trên nguyên tắc hài hòa, ưu tiên tham chiếu và áp dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn và thông lệ quốc tế được thừa nhận rộng rãi về Halal. Bao gồm tiêu chuẩn của Tổ chức Hợp tác Hồi giáo và Viện Tiêu chuẩn & Đo lường của các quốc gia Hồi giáo, các hướng dẫn của Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế có liên quan đến thực phẩm Halal, các yêu cầu kỹ thuật và quy định của các thị trường xuất khẩu trọng điểm.

Nghị định cũng nêu rõ phải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, đặc biệt là người tiêu dùng Hồi giáo, đối với các sản phẩm, dịch vụ Halal.

Đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ Halal tuân thủ pháp luật; ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng mang dấu hiệu Halal, gian lận thương mại, quảng cáo sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về tính Halal của sản phẩm, dịch vụ.

Chính phủ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ Halal; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Halal Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Nghị định số 127/2026/NĐ-CP gồm 6 chương, 28 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Trịnh Đình Thử - Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng

“SỬA ĐỔI 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ XĂNG, NHIÊN LIỆU ĐIÊZEN VÀ NHIÊN LIỆU SINH HỌC

Ngày 30/4/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 19/2026/TT-BKHCN ban hành “Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học để điều chỉnh kỹ thuật đối với xăng sinh học, đặc biệt là hàm lượng oxy trong xăng E5 và E10. Việc này nhằm hỗ trợ lộ trình bắt buộc sử dụng xăng sinh học E10 trên toàn quốc từ ngày 30/4/2026. Điều chỉnh quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tập trung vào các thông số kỹ thuật mới cho xăng sinh học E5 và E10 để đảm bảo khả năng tương thích với động cơ và bảo vệ môi trường.



Ảnh minh họa

Theo đó, Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN sửa đổi những nội dung sau của QCVN 01:2022/BKHCN, gồm:

1. Sửa đổi điểm 1.3.2, 1.3.3, 1.3.6.1 và 1.3.6.2 như sau:

Xăng E5: Hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 4,0 % đến nhỏ hơn 7,5 % theo thể tích, ký hiệu là E5.

Xăng E10: Hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 8,0 % đến 10,0 % theo thể tích, ký hiệu là E10.

Etanol nhiên liệu không biến tính: Etanol được sản xuất từ nguyên liệu sinh học, có chứa thành phần tạp chất thông thường được sản sinh trong quá trình sản xuất etanol (kể cả nước) dùng làm nhiên liệu.

Etanol nhiên liệu biến tính: Etanol được sản xuất từ nguyên liệu sinh học, dùng làm nhiên liệu, được pha thêm các chất biến tính như xăng, naphta với hàm lượng từ 1,96 % đến 5,0 % thể tích.

2. Sửa đổi hàm lượng etanol quy định trong Bảng 2 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E5.

3. Sửa đổi hàm lượng oxy và hàm lượng etanol quy định trong Bảng 3 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của xăng E10.

4. Sửa đổi chỉ tiêu điểm chảy (điểm đông đặc) quy định trong Bảng 4 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của nhiên liệu diesel.

5. Sửa đổi chỉ tiêu điểm chảy (điểm đông đặc) quy định trong Bảng 5 Chỉ tiêu chất lượng cơ bản của nhiên liệu diesel B5.

6. Sửa đổi điểm 2.4.3 như sau: Ngoại trừ etanol nhiên liệu (biến tính hoặc không biến tính), chỉ các hợp chất oxygenat quy định trong Bảng 9 được phép có trong xăng không chì, xăng E5, xăng E10.

Thông tư ban hành Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN và Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đối với chỉ tiêu hàm lượng oxy quy định tại Mục 9 Bảng 3 Điều 3 Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học quy định không lớn hơn 5,0 % khối lượng có hiệu lực kể từ ngày ban hành Thông tư ban hành Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trịnh Đình Thử - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC: TỪ MÃ QR ĐẾN YÊU CẦU MINH BẠCH BẮT BUỘC TRONG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Truy xuất nguồn gốc đang vượt khỏi câu chuyện dán mã QR đơn thuần để trở thành yêu cầu minh bạch bắt buộc trong quản lý thị trường. Khi tiền kiểm dần được cắt giảm, doanh nghiệp sẽ phải tự chứng minh chất lượng và hành trình sản phẩm.

Người tiêu dùng hiện không còn chỉ quan tâm đến giá bán hay thương hiệu. Sau hàng loạt vụ việc liên quan đến thực phẩm bẩn, hàng giả, xăng dầu kém chất lượng hay mỹ phẩm không rõ xuất xứ, câu hỏi được đặt ra ngày càng nhiều là: “Sản phẩm này đến từ đâu, được sản xuất như thế nào và ai chịu trách nhiệm nếu xảy ra sự cố?” Đó cũng là lý do truy xuất nguồn gốc đang trở thành một trong những xu hướng quản lý nổi bật nhất của thị trường Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Nếu trước đây truy xuất nguồn gốc thường được hiểu đơn giản là quét mã QR để xem thông tin sản phẩm, thì hiện nay khái niệm này đang mở rộng thành cả một hệ thống quản lý dữ liệu xuyên suốt vòng đời hàng hóa từ nguyên liệu đầu vào, sản xuất, vận chuyển, phân phối đến tay người tiêu dùng. Đáng chú ý, quá trình này diễn ra trong bối cảnh cơ quan quản lý đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Đặc biệt, khi rào cản gia nhập thị trường được nói lỏng, bài toán đặt ra là làm thế nào để kiểm soát chất lượng hàng hóa và xác định trách nhiệm khi có sự cố xảy ra. Câu trả lời đang dần nằm ở hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15, lần đầu tiên quy định về “truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi cung ứng” được bổ sung thành nội dung riêng trong luật. Luật quy định việc truy xuất phải bảo đảm tính trung thực, khả năng xác minh và hỗ trợ cơ quan quản lý xác định nguồn gốc, quy trình sản xuất, thành phần cũng như chất lượng hàng hóa. Nhất là đối với nhóm hàng hóa có mức độ rủi ro cao, truy xuất nguồn gốc sẽ là yêu cầu bắt buộc. Điều này đồng nghĩa áp lực minh bạch sẽ không còn là lựa chọn tự nguyện mà đang dần trở thành tiêu chuẩn mới của thị trường.



Truy xuất nguồn gốc là công cụ bảo vệ chính doanh nghiệp. Ảnh minh họa

Nếu trước đây doanh nghiệp chủ yếu tập trung đáp ứng hồ sơ cấp phép, thì nay trách nhiệm sẽ chuyển sang việc duy trì dữ liệu minh bạch và khả năng giải trình xuyên suốt chuỗi cung ứng. Nói cách khác, doanh nghiệp không chỉ bán một sản phẩm mà còn phải chứng minh được “lịch sử” của sản phẩm đó.

Đối với nhiều doanh nghiệp lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu, truy xuất nguồn gốc không còn là điều mới. Các thị trường như châu Âu, Mỹ hay Nhật Bản nhiều năm qua đã yêu cầu minh bạch thông tin sản phẩm, vùng nguyên liệu, quy trình sản xuất và tiêu chuẩn môi trường. Tuy nhiên, với nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, đây vẫn là áp lực đáng kể.

Không ít doanh nghiệp cho rằng việc số hóa dữ liệu, đồng bộ hóa quy trình quản lý và duy trì hệ thống truy xuất có thể làm phát sinh thêm chi phí vận hành. Đặc biệt ở các lĩnh vực có chuỗi cung ứng phức tạp như xăng dầu, hóa chất, thực phẩm hay nông sản, việc chuẩn hóa dữ liệu đầu vào không đơn giản. Dù vậy, nhiều ý kiến cho rằng minh bạch nguồn gốc đang trở thành xu hướng khó đảo ngược.

Theo giới phân tích thị trường, sau giai đoạn hàng giả, hàng nhái và gian lận thương mại diễn biến phức tạp, truy xuất nguồn gốc sẽ dần trở thành “hạ tầng niềm tin” mới của thị trường. Khi người tiêu dùng có thể kiểm tra nguồn gốc, quy trình sản xuất và đơn vị chịu trách nhiệm, doanh nghiệp làm ăn bài bản sẽ có thêm lợi thế cạnh tranh. Trong khi đó, những đơn vị sử dụng nguyên liệu không rõ nguồn gốc hoặc thiếu minh bạch sẽ ngày càng khó tồn tại.

Không chỉ phục vụ quản lý nhà nước, truy xuất nguồn gốc còn được xem là công cụ bảo vệ chính doanh nghiệp. Trong trường hợp xảy ra sự cố chất lượng, hệ thống dữ liệu đầy đủ giúp khoanh vùng nhanh lô hàng lỗi, xác định nguyên nhân và hạn chế thiệt hại lan rộng. Đó cũng là lý do thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực xăng dầu, thực phẩm, logistics và bán lẻ bắt đầu đầu tư mạnh hơn vào hệ thống mã hóa dữ liệu, quản trị chuỗi cung ứng và xác thực điện tử.

Trong bối cảnh kinh tế số phát triển nhanh, truy xuất nguồn gốc có thể sẽ không dừng ở mã QR như hiện nay. Giới chuyên gia nhận định thị trường đang tiến dần tới mô hình “hộ chiếu số” cho hàng hóa nơi toàn bộ thông tin về sản phẩm được lưu trữ và kết nối trên nền tảng dữ liệu số xuyên suốt vòng đời sản phẩm. Khi đó, minh bạch sẽ không còn là lợi thế cạnh tranh riêng của một số doanh nghiệp mà trở thành điều kiện bắt buộc để tham gia thị trường.

Về vấn đề này, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lê Xuân Định cho biết, trong thời gian tới cần phải xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia đạt mức chuẩn hóa dữ liệu liên thông đa ngành, kết nối quốc tế, ứng dụng cần phải chuyển từ kết nối kỹ thuật sang liên thông dữ liệu quốc gia.

Đồng thời, phải đảm bảo mọi ngành hàng chủ lực từ nông nghiệp, công nghiệp, dược phẩm tới hàng tiêu dùng... đều phải áp dụng truy xuất nguồn gốc theo chuẩn quốc gia thống nhất. Những định hướng này cần phải được triển khai nhanh hơn, quyết liệt hơn và đồng bộ hơn. Trong thời gian tới Đề án 100 phải chuyển từ triển khai sang đột phá và chuyển từ thí điểm sang chuẩn hóa.

Ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia cũng cho biết, thời gian qua hoạt động truy xuất nguồn gốc đã chuyển mình mạnh mẽ. Từ những bước đi ban đầu mang tính thí điểm, đến nay, hệ thống truy xuất nguồn gốc đã từng bước hình thành cơ sở hạ tầng dữ liệu thống nhất, kết nối nhiều bộ ngành, lan tỏa tới các địa phương và doanh nghiệp trong cả nước. Các kết quả đạt được không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà còn mở đường cho thương mại minh

bạch, an toàn, củng cố niềm tin của người tiêu dùng trong nước và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế.

Bước sang giai đoạn hội nhập sâu rộng, đặc biệt là khi các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản áp dụng các quy định mới về thiết kế sinh thái, hộ chiếu số sản phẩm, truy xuất nguồn gốc bắt buộc, Việt Nam càng cần khẳng định vị thế bằng các tiêu chuẩn tiên tiến, hệ thống dữ liệu tin cậy và năng lực kết nối chuỗi cung ứng mở-bền vững-số hóa. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để hàng hóa Việt Nam bước nhanh hơn, vững vàng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nguồn: Vietq.vn

ĐO LƯỜNG TRONG KỶ NGUYÊN LƯỢNG TỬ: NỀN TẢNG MỚI CỦA CÔNG NGHIỆP THÔNG MINH

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ lượng tử và chuyển đổi số đang làm thay đổi cơ bản lĩnh vực đo lường - nền tảng của khoa học, công nghệ và sản xuất. Những tiến bộ trong chuẩn lượng tử, cảm biến thông minh và số hóa dữ liệu đo lường không chỉ nâng cao độ chính xác mà còn mở ra các mô hình sản xuất và quản lý mới. Bài viết phân tích các xu hướng đo lường trong kỷ nguyên lượng tử và thảo luận định hướng phát triển hệ thống đo lường quốc gia của Việt Nam.

Đo lường từ lâu được coi là “ngôn ngữ chung” của khoa học và công nghiệp, bảo đảm tính so sánh, minh bạch và độ tin cậy của các kết quả đo. Trong bối cảnh các công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và công nghệ lượng tử phát triển mạnh mẽ, yêu cầu đối với đo lường không chỉ dừng ở độ chính xác và độ tin cậy, mà còn mở rộng sang khả năng tích hợp, tự động hóa, số hóa và truy xuất nguồn gốc theo thời gian thực.

Do đó, đo lường không còn là một hoạt động kỹ thuật độc lập, mà đang trở thành một thành phần cốt lõi trong các hệ sinh thái công nghệ và sản xuất thông minh.

Đo lường trong kỷ nguyên lượng tử

Kỷ nguyên lượng tử (Quantum Era) được hiểu là giai đoạn mà các hiện tượng và hiệu ứng lượng tử - vốn trước đây chủ yếu tồn tại trong lý thuyết và phòng thí nghiệm được khai thác rộng rãi trong khoa học, công nghệ và công nghiệp. Trong lĩnh vực đo lường, kỷ nguyên này đánh dấu sự chuyển dịch căn bản từ các chuẩn vật lý cổ điển sang các chuẩn dựa trên hằng số cơ bản của tự nhiên và các hiệu ứng lượng tử có độ ổn định và độ chính xác vượt trội.

Tái định nghĩa hệ thống đơn vị đo lường quốc tế (SI), hay còn gọi là hệ mét: Một cột mốc mang tính lịch sử của đo lường hiện đại là việc tái định nghĩa toàn bộ hệ đơn vị SI vào năm 2018. Theo đó, các đơn vị cơ bản như kilogram, giây, ampe, kelvin... không còn phụ thuộc vào các mẫu vật lý, mà được gắn trực tiếp với các hằng số vật lý cơ bản, bất biến của tự nhiên, như hằng số Planck, tốc độ ánh sáng trong chân không hay điện tích cơ bản.



Ảnh minh họa

Ví dụ điển hình là đơn vị kilogram, hiện nay được định nghĩa thông qua hằng số Planck và được hiện thực hóa bằng cân Kibble. Cách tiếp cận này cho phép tái tạo đơn vị khối lượng với độ chính xác rất cao, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc toàn cầu và tính ổn định lâu dài của hệ đơn vị.

Chuẩn và cảm biến lượng tử: Trên nền tảng hệ SI mới, nhiều chuẩn và cảm biến lượng tử đã và đang được phát triển, như đồng hồ nguyên tử quang học, chuẩn điện dựa trên hiệu ứng Josephson và Hall lượng tử, hay các cảm biến lượng tử đo từ trường, gia tốc và trọng lực. Các thiết bị này mở ra khả năng đo các đại lượng cực nhỏ hoặc cực chính xác, vượt xa giới hạn của công nghệ cổ điển, mở ra các ứng dụng mới trong khoa học và công nghiệp.

Đo lường trong cách mạng kỹ thuật số

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được đặc trưng bởi số hóa, tự động hóa và kết nối thông minh. Trong bối cảnh đó, đo lường ngày càng được tích hợp trực tiếp vào các hệ thống sản xuất, quản lý và ra quyết định, thay vì chỉ đóng vai trò kiểm tra độc lập ở khâu cuối. Các xu hướng ứng dụng chủ yếu của đo lường trong bối cảnh hiện nay bao gồm:

Thứ nhất, đo lường thông minh (Smart Metrology): Thiết bị đo có khả năng tự chẩn đoán, tự hiệu chuẩn, thu thập và truyền dữ liệu theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu đo.

Thứ hai, đo lường từ xa và không tiếp xúc: Ứng dụng các công nghệ quang học, hình ảnh, lidar và radar, cho phép đo nhanh, an toàn và phù hợp với môi trường tự động hóa.

Thứ ba, số hóa dữ liệu đo lường: Kết quả đo được quản lý dưới dạng dữ liệu số, gắn với các khái niệm như digital twin, blockchain và truy xuất nguồn gốc số, góp phần nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy trong chuỗi cung ứng.

Thứ tư, ứng dụng AI và học máy: AI hỗ trợ phân tích khối lượng lớn dữ liệu đo, tự động phát hiện sai lệch, tối ưu hóa quy trình đo và nâng cao hiệu quả hiệu chuẩn.

Thách thức và định hướng đối với hệ thống đo lường quốc gia

Việc kết hợp đo lường lượng tử và đo lường số mang lại nhiều lợi ích như nâng cao độ chính xác và tốc độ đo, giảm chi phí vận hành và bảo trì, tăng khả năng tích hợp vào sản xuất tự động, đồng thời mở rộng khả năng đo các đại lượng mới. Bên cạnh các lợi ích, đo lường trong kỷ nguyên mới cũng đặt ra nhiều thách thức, bao gồm yêu cầu hài hòa chuẩn mực quốc tế, bảo đảm an toàn dữ liệu và an ninh mạng, thiếu hụt nguồn nhân lực liên ngành, cũng như nhu cầu đầu tư lớn cho hạ tầng công nghệ cao.

Đối với các cảm biến lượng tử, những thách thức kỹ thuật cụ thể như ổn định laser, đồng bộ thời gian, kiểm soát nhiễu và nâng cao tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu vẫn là rào cản cần tiếp tục được nghiên cứu và khắc phục.

Một số định hướng đối với hệ thống đo lường quốc gia:

Một là, hoàn thiện thể chế và chiến lược phát triển đo lường, tích hợp các nội dung về đo lường lượng tử và đo lường số trong trung và dài hạn.

Hai là, từng bước nâng cao năng lực của hệ thống chuẩn đo lường quốc gia theo định hướng lượng tử, tăng cường tham gia các chương trình so sánh và thừa nhận lẫn nhau ở cấp khu vực và quốc tế.

Ba là, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động đo lường, hướng tới hình thành hạ tầng dữ liệu đo lường quốc gia.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực đo lường chất lượng cao, có kiến thức liên ngành giữa đo lường, vật lý lượng tử và công nghệ số.

Năm là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tiếp cận tri thức, công nghệ tiên tiến và nâng cao vị thế của Việt Nam trong hệ thống đo lường toàn cầu.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển công nghệ lượng tử, đo lường đang trở thành hạ tầng nền tảng của nền kinh tế số và công nghiệp thông minh. Việc chủ động phát triển hệ thống đo lường hiện đại, hội nhập quốc tế và ứng dụng công nghệ tiên tiến sẽ góp phần nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Nguồn: Vietq.vn